

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Chọn giá trị bằng 1,5;
- Có lưu lượng quạt hút = $406 \times 1,5 = 608 \text{ (m}^3/\text{h)}$;
- Làm tròn, thiết kế quạt hút có công suất $Q = 600 \text{ (m}^3/\text{h)} = 0,17 \text{ (m}^3/\text{s)}$;

** Tính toán kích thước tháp khử mùi:*

Vận tốc dòng khí qua tháp khử mùi thường chọn 1.0 – 2.0 m/s

Chọn $V = 1 \text{ (m/s)}$

Diện tích tháp khử mùi cần thiết $S = Q / V = 0,17 / 1 = 0,17 \text{ (m}^2\text{)}$

Như vậy đường kính tháp khử mùi theo lý thuyết = 0,46 (m)

Chọn tháp khử mùi có đường kính $D = 0,8 \text{ (m)}$

** Tính chọn bơm hóa chất tháp khử mùi*

Lưu lượng hóa chất tuần hoàn trong tháp khử mùi được tính toán trên tỷ lệ L/G (Liquid-to-Gas Ratio) - tỷ lệ giữa lưu lượng dung dịch và lưu lượng khí. Đối với hệ thống khử mùi thông thường, tỷ lệ L/G nằm trong khoảng 1 - 10 l/m³khí.

Chọn giá trị = 5 l/m³khí.

Thì lưu lượng bơm hóa chất tháp khử mùi = $600 \times 5 / 1000 = 3 \text{ (m}^3/\text{h)}$

Chọn bơm hóa chất có công suất điện 0,75 kW, lưu lượng > 3 m³/h

Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý mùi tại trạm XLNT tại dự án được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 69. Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý mùi tại trạm XLNT tại dự án

TT	Đặc điểm	Đơn vị	Số lượng
1	Tháp khử mùi - Kích thước: D800xH2800 (mm) - Vật liệu: Composite - Hệ thống đệm phân phối	cái	1,0
2	Quạt hút ly tâm: - Điện áp: 0,75 kW/380V, - Lưu lượng khí: $Q = 600 \text{ m}^3/\text{h}$, - Áp suất $H = 1.500 \text{ pa}$.	cái	1,0

b) Giảm thiểu lượng bụi, khí thải phát sinh hoạt động giao thông

- Khí thải phát sinh do các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án là nguồn

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

không tập trung. Hơn nữa, khu vực Dự án được quy hoạch thông thoáng, diện tích cây xanh được bố trí hợp lý xung quanh Dự án sẽ góp phần làm sạch môi trường. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm và che chắn tiếng ồn, cải thiện các yếu tố vi khí hậu.

- Xây dựng các biện pháp quản lý giao thông như: sẽ bố trí các bãi đỗ xe hợp lý, khoa học (bãi đỗ xe theo quy hoạch được duyệt), lắp đặt các biển báo hạn chế tốc độ, xây gờ giảm tốc độ,... trên các tuyến đường giao thông nội bộ.

- Xung quanh các tuyến đường ô tô ra - vào, bãi đỗ xe đều được trồng cây xanh để chống bụi và giảm thiểu tiếng ồn. Cây xanh được trồng ven đường giao thông, dải phân cách giữa đường, khoảng cách 4-5 m,...

- Các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực Dự án cũng phát sinh lượng bụi như: Xe tải nhỏ, xe gắn máy, xe taxi, sẽ được khắc phục bằng cách vệ sinh sân bãi thường xuyên nhằm giảm lượng bụi phát sinh.

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trong giai đoạn vận hành dự án

a) Biện pháp thu gom và thoát nước mưa tại dự án

(i). Nguồn tiếp nhận

Nước mưa từ dự án sẽ thoát từ bên trong lô đất và các công trình xây dựng ra ngoài rãnh nắp đan đặt hai bên lề đường, có độ dốc theo độ dốc hiện có của đường giao thông, thoát về tuyến kênh Hải Vân.

(ii). Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước sử dụng tại dự án là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, trong đó nước mưa được thu gom vào một hệ thống đường ống riêng biệt với nước thải. Nước chảy trong cống theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa của toàn bộ khu vực được phân tán dựa vào hệ thống mặt nước và các vệt tự thủy tự nhiên trong khu vực.

- Hướng thoát nước chính: Nước mưa thoát từ bên trong lô đất và các công trình xây dựng ra ngoài rãnh nắp đan đặt hai bên lề đường có độ dốc lấy theo độ dốc hiện có của đường giao thông.

- Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa dọc theo các tuyến giao thông quy hoạch. Toàn bộ khu vực nghiên cứu là một lưu vực lớn, hướng thoát nước về phía các mặt nước quy hoạch trong khu vực.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Đoạn rãnh cắt ngang qua đường được thay thế bằng cống tròn có kích thước phù hợp để tạo cảnh quan và giao thông êm thuận;

- Các ga thăm được bố trí tại các vị trí giao cắt của mạng lưới thoát nước, các vị trí thay đổi kích thước, độ dốc và các vị trí chuyển hướng của mạng lưới thoát nước;

- Các hố thu nước được bố trí trên mặt các rãnh và ga thu đảm bảo thu nước từ mặt đường.

- Nắp ga thu, thăm bằng gang cầu hoặc composite thân thiện với môi trường.

- Cống thoát nước mưa được bố trí dưới lòng đường, chiều sâu chôn cống tối thiểu 0,7m tính từ cao độ mặt đường đến đỉnh cống. Cống thoát nước mưa được bố trí dưới vỉa hè, chiều sâu chôn cống tối thiểu 0,5m tính từ cao độ mặt hè đến đỉnh cống.

- Bố trí hệ thống ga thu thăm kết hợp để thu nước mưa vào hệ thống cống chính, khoảng cách ga từ 30-50m tùy theo đường kính cống, ngoài ra ga thăm còn được bố trí tại những vị trí cống chuyển hướng.

Tọa độ xả thải các điểm xả của dự án như sau:

- Cửa xả 01 (CX 01): $X_{(m)} = 2285977$; $Y_{(m)} = 586345$;

- Cửa xả 02 (CX 02): $X_{(m)} = 2285905$; $Y_{(m)} = 586311$;

- Cửa xả 03 (CX 03): $X_{(m)} = 2285877$; $Y_{(m)} = 586298$;

- Cửa xả 04 (CX 04): $X_{(m)} = 2285781$; $Y_{(m)} = 586252$;

(Hệ tọa độ: VN-2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°30')

b) Biện pháp thu gom và thoát nước thải

(i). Nguồn tiếp nhận

- Nguồn tiếp nhận của dự án tại 01 vị trí sau xử lý vào tuyến kênh Hải Vân, tại điểm xả như sau:

Cửa xả nước thải (CXNT): $X_{(m)} = 2285955$; $Y_{(m)} = 586336$;

(Hệ tọa độ: VN-2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°30')

Theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh Thái Bình về việc "Ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Bình" thì kênh Hải Vân này do UBND tỉnh quản lý.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

(ii). Hệ thống thu gom nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng khỏi hệ thống thoát nước mưa.
- Nước thải từ các hộ dân, các công trình trong khu vực dự án được thu gom và xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn theo hệ thống thoát nước thải riêng và chảy vào tuyến cống chính của dự án để dẫn về trạm xử lý nước thải chung.
- Hệ thống đường cống thoát nước có đường kính thiết kế độ dốc cống $\geq 1/d$, bố trí dọc theo tuyến giao thông để tiện cho quản lý và bảo dưỡng. Độ dốc dọc các tuyến cống thoát nước thải đảm bảo vận tốc tối thiểu rửa trôi của đường cống thoát nước thải.
- Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m đối với cống đặt dưới hè và 0,7m đối với cống đặt dưới đường.
- Bố trí ga thăm trên tuyến với khoảng cách tối đa là 30m. Ngoài ra ga thăm còn được bố trí tại những vị trí cống đổi hướng hoặc tại 1 số vị trí đặc biệt cần đặt ga thăm để thu nước thải.
- Cống thoát nước thải dưới hè sử dụng cống HDPE gân xoắn 2 lớp.

(iii) Các công trình xử lý sơ bộ nước thải

➤ Bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn như sau:

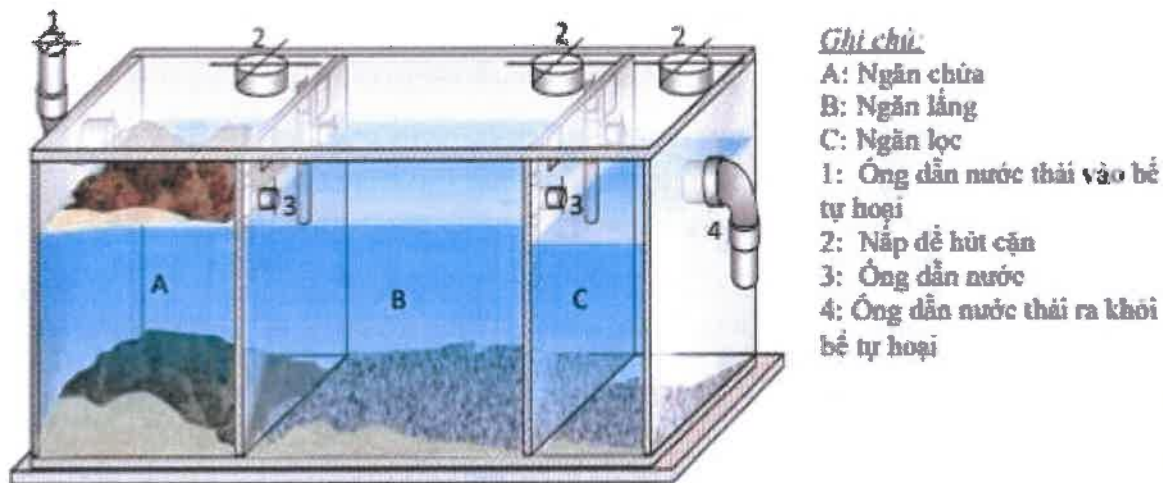
- Nước thải qua bể tự hoại 3 ngăn được lắng cặn và lên men cặn lắng (chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng được giữ lại trong bể 12 tháng, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí, cặn được phân hủy thành các chất khí và khoáng hòa tan. Bùn cặn lên men sẽ định kỳ được chuyển đi bằng xe hút bể phốt chuyên dụng. Hiệu quả xử lý làm sạch của bể tự hoại đạt 30 - 35% theo BOD và 50 - 55% đối với cặn lơ lửng.

- Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân huỷ cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân huỷ, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua bể lắng 1 sẽ tiếp tục qua bể lắng 2 và 3 trước khi đưa sang hệ thống xử lý tập trung của dự án.

Nguyên lý hoạt động của bể phốt tự hoại 3 ngăn được trình bày tại hình sau:

Hình 27. Nguyên lý hoạt động của bể phốt tự hoại 3 ngăn

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**



➤ **Tính toán thể tích bể phốt tự hoại điển hình cho mỗi lô đất ở**

Do tính chất của công trình nên bể tự hoại được đặt ở trong mỗi công trình ở. Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$$W_b = W_1 + W_2 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

W_1 - dung tích phần lắng của bể tự hoại

$$W_1 = a \times N \times T_1 / 1000 \text{ (m}^3\text{)}$$

a - tiêu chuẩn nước thải của một người trong một ngày lấy bằng 100% tiêu chuẩn cấp, lượng nước sử dụng cho hồ xí, chậu tiểu chỉ bằng 30% lưu lượng sử dụng hàng ngày: $120 \times 0,3 = 40 \text{ l/ng. ngày}$

T_1 - thời gian nước lưu lại trong bể (5 ngày)

N - số người mà bể phục vụ tính trung bình là 4 người

$$W_1 = 40 \times 4 \times 5 / 1.000 = 0,8 \text{ (m}^3\text{)}$$

W_2 - dung tích phần chứa và lên men cặn

$$W_2 = b \times N \times T_2 / 1.000 \text{ (m}^3\text{)}$$

b - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể của một người trong một ngày = 0,08

T_2 - Thời gian giữa 2 lần hút cặn lấy bằng 720 ngày

$$W_2 = 0,08 \times 4 \times 800 / 1.000 = 0,25 \text{ m}^3$$

Thể tích bể tự hoại tối thiểu (Thể tích bể càng lớn thì càng tốt):

$$W = 0,8 + 0,25 = 1,05 \text{ (m}^3\text{)}$$

➤ **Tham khảo kết quả tính toán**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Kết quả tính toán kích thước bể tự hoại theo số người được nêu trong Giáo trình cấp thoát nước trong nhà và công trình – Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội 2020 như sau:

Bảng 70. Bảng tra kích thước tối thiểu của bể tự hoại xử lý nước thải đen theo số người sử dụng

Số người sử dụng N, người	Chiều cao lớp nước HƯ, m	Chiều bề rộng bể B, m	Chiều dài ngăn thứ nhất L1, m	Chiều dài ngăn thứ hai L2, m	Dung tích ướt VƯ, m ³	Dung tích đơn vị, m ³ / người
5	1,2	1,7	1,2	0,6	1,5	0,30
10	1,2	1,0	1,6	0,7	2,8	0,28
15	1,2	1,0	2,7	0,7	4,1	0,27
20	1,4	1,0	2,9	1,0	5,4	0,27
25	1,4	1,4	2,4	1,0	6,8	0,27
30	1,4	1,4	3,1	1,0	8,1	0,27
35	1,4	1,4	3,8	1,0	9,5	0,27
40	1,6	1,4	3,4	1,4	10,8	0,27
45	1,6	1,4	4,0	1,4	12,2	0,27
50	1,6	1,8	3,3	1,4	13,5	0,27
75	1,8	2,0	3,7	1,4	18,5	0,25
100	2,0	2,0	4,4	1,6	24,0	0,24
125	2,0	2,0	5,9	1,6	30,0	0,24
150b	1,8	2 × 2,0	3,7	1,4	36,9	0,25
200	2,0	2 × 2,0	4,1	1,6	45,6	0,23
250	2,0	2 × 2,0	5,2	1,6	54,0	0,22
300	2,5	2 × 2,0	4,3	2,0	63,0	0,21

Nguồn trích dẫn: Giáo trình cấp thoát nước trong nhà và công trình – Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội 2020

Ghi chú: Kích thước bể tự hoại nêu trong bảng là kích thước tối thiểu, không kể kích thước tường và vách ngăn, được tính với lượng nước đen từ khu vệ sinh chảy vào bể tự hoại 30 lít/người/ngày, nhiệt độ trung bình của nước thải là 20°C, chu kỳ hút cặn 3 năm/lần.

⇒ Như vậy, trong mỗi một công trình ở sẽ phải xây dựng bể phốt có thể tích tối thiểu là 1,5-1,6 (m³). Tùy thuộc vào thiết kế của mỗi công trình mà kích thước các bể tự hoại có thể thay đổi song vẫn đảm bảo tối thiểu 1,5m³.

➤ **Tổng hợp các bể tự hoại của các công trình ở**

Tổng hợp các bể tự hoại của các công trình ở (nhà liền kề) được thống kê trong bảng sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Bảng 71. Thống kê các các bể tự hoại tại các công trình ở

Hạng mục	Số lượng
Đất nhà ở liền kề	337 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích tối thiểu: 2 m ³ /bể)

➤ **Các biện pháp nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước mưa, nước thải, các cửa xả**

Chủ dự án hoặc đơn vị được bàn giao quản lý hệ thống HTKT của dự án sẽ có trách nhiệm trong công tác nạo vét, khơi thông cống rãnh trên thoát nước mưa, nước thải như sau:

- Tổ chức nạo vét, khơi thông cống rãnh trước mùa mưa hàng năm và định kỳ 1 tháng/lần trong mùa mưa.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra để duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời các hư hỏng của hệ thống thoát nước mưa, nước thải và các cửa xả ra các kênh mương tiếp nhận nước thải từ dự án.

c) Trạm xử lý nước thải tập trung

(i). Lựa chọn công suất

Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ 337 lô đất ở và khu dân cư Lương Cự Bắc, được xác định trên cơ sở lưu lượng nước cấp.

♣ Trạm xử lý nước thải:

Tổng lưu lượng nước thải phải xử lý: 343,4 m³/ngày.đêm. Chọn hệ số không điều hòa của dự án là k=1,3 lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của dự án là:

$$343,4 \times 1,3 = 446,42 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

Lý do chọn k=1,3 như sau:

- Theo mục 5.2 TCVN 13606:2023 Hệ số không điều hòa k = 1,2 ÷ 1,4, báo cáo lựa chọn k = 1,3 (hệ số trung bình) để tính toán lưu lượng nước thải phát sinh của dự án.

- Tính chất của dự án là đất ở dân cư lâu dài nên lựa chọn k=1,3 là hợp lý do vùng dự án sẽ về sau được nâng cấp đô thị, đời sống dân cư ngày một tăng cao dẫn đến nhu cầu sử dụng nước sẽ tăng lên.

→ Vì vậy, áp dụng hệ số k=1,3 cũng để dự phòng cho trạm XLNT của dự án trong tương lai mà không cần phải mở rộng, tăng công suất.

Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải công suất Q = 450 m³/ngày.đêm. Trạm XLNT được chia thành 02 line tại công đoạn xử lý sinh học (Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + MBBR1 → Bể hiếu khí + MBBR2 → Bể lắng) với công suất mỗi line là: 225 m³/ng.đêm/line. Việc đầu tư 02 line xử lý trong công đoạn xử lý sinh học sẽ đảm bảo xử lý nước thải trong giai đoạn đầu khi ít dân cư đến sinh sống không

**BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

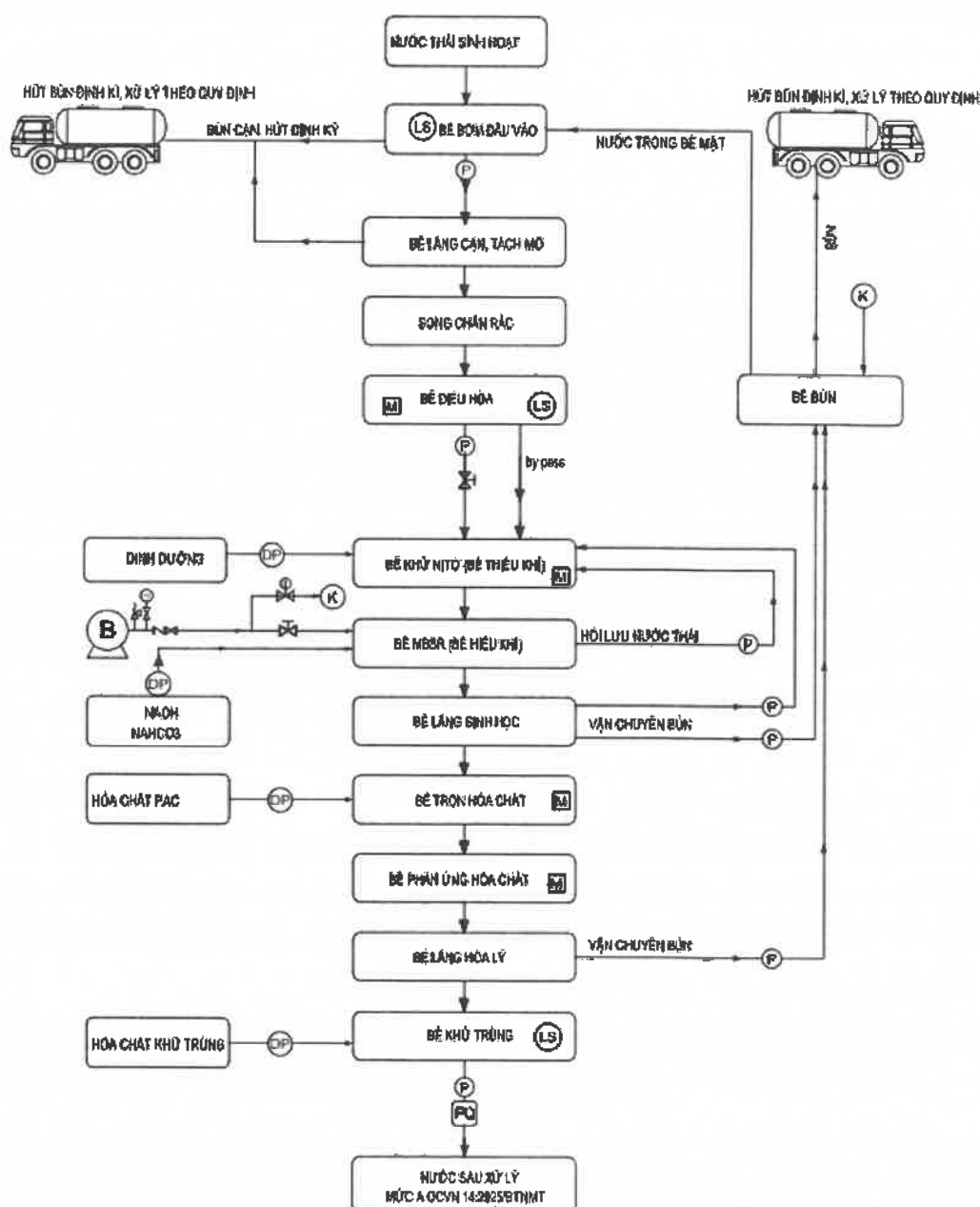
bị non tải khi đầu tư 01 module xử lý lớn cho toàn bộ công suất 450 m³/ngày.đêm. Quá trình dân cư lấp đầy sẽ vận hành tiếp 01 line xử lý còn lại, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án

Công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt đã được xử lý sơ bộ qua tự hoại được đưa về trạm xử lý nước thải sử dụng công nghệ Anoxic Oxic (AO) kết hợp giá thể MBBR và hóa lý.

(ii). Quy trình công nghệ XLNT sinh hoạt

Quy trình công nghệ xử lý được mô tả trong hình sau:

Hình 28. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải



Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Với đặc trưng của nước thải sinh hoạt chứa chủ yếu là hợp chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học; thành phần bã thải lớn; thành phần dinh dưỡng N, P cao; các chất kim hãm quá trình phát triển của vi sinh vật thấp. Dựa trên các yếu tố đó công nghệ được xây dựng tập trung vào các công đoạn xử lý chính đó là: Xử lý thiếu, hiếu khí bằng bùn hoạt tính và khử trùng.

Qua đó, quy trình công nghệ đưa ra như hình 1 dựa trên các quá trình cơ bản sau:

+ Quá trình bùn hoạt tính (diễn ra trong ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí kết hợp đệm vi sinh MBBR;

+ Quá trình lắng bùn (diễn ra trong ngăn lắng);

+ Quá trình phá huỷ tế bào vi sinh vật gây hại (diễn ra tại bể khử trùng).

Tại bể thu gom nước thải được tác rác thô, rồi bơm chuyển qua quá trình tách rác tinh, tách cát, tách dầu mỡ trước khi chảy vào bể điều hòa.

Tại bể điều hòa các nguồn nước thải được trộn lẫn ổn định lưu lượng, thành phần trước khi đưa vào hệ thống xử lý xử lý sinh học tiếp theo. Bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Trong bể có đặt 2 bơm chìm để bơm nước sang bể thiếu khí. Ngoài ra, trong bể còn đặt phân phối khí để thổi khí khuấy trộn đều lượng nước trong bể cũng như xử lý sơ bộ các chất hữu cơ. Máy thổi khí cấp cho bể điều hòa dùng chung cả hệ thống xử lý hiếu khí. Nước thải từ bể điều hòa được bơm công nghệ đưa sang bể xử lý vi sinh, đây là công đoạn quan trọng nhất trong quá trình xử lý nước thải.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí, nhờ vi sinh vật hô hấp thiếu khí mà các chất hữu cơ trong nước thải được phân huỷ một phần, đặc biệt là N, P; sau đó nước thải được chảy sang bể hiếu khí kết hợp MBBR.

Tại bể thiếu khí: Khử nitơ tổng thông qua quá trình thiếu khí, ở đây NO_3^- được chuyển hóa thành N_2 khi không có mặt Oxy hoặc có với mật độ thấp. Đây là quá trình bắt buộc nhằm giảm được nitơ trong Nước thải. Bể được lắp đặt máy khuấy chìm để khuấy trộn hoàn toàn dòng nước thải vào bể thiếu khí. Nước tuần hoàn và bùn hoạt tính sẽ được bơm về bể thiếu khí bổ trợ tăng cường cho bể thiếu khí để xử lý nitơ và bổ sung lượng vi sinh cần thiết.

Tại bể hiếu khí có giả thể vi sinh MBBR để giảm được nồng độ chất hữu cơ, nước thải được xử lý hiếu khí trong bể MBBR. Trong bể có đặt hệ thống giả thể vi sinh di động làm chỗ cho các vi khuẩn hiếu khí dính bám, sinh trưởng và tiêu thụ chất hữu cơ có trong nước thải. Để quá trình này diễn ra, các vi khuẩn cần được cung cấp Oxy liên tục bằng máy thổi khí và hệ thống phân phối khí. Bể được cấp khí bằng hệ thống máy thổi khí. Dàn ống phân phối khí hạt mịn vật liệu màng

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

sẽ cung cấp oxy cho các vi sinh vật. Không khí bọt mịn đi qua đĩa phân phối khí tinh và đi từ dưới lên. Nước thải sau khi đi qua lớp giá thể vi sinh di động, vi khuẩn dính bám sẽ tiêu thụ chất hữu cơ có trong nước và làm sạch nước. Bể hiếu khí có giá thể vi sinh di động (bể MBBR) sẽ xử lý các chất hữu cơ và nitơ có trong nước thải. Giá thể vi sinh, là nơi các vi khuẩn trú ngụ, phát triển và tiêu thụ các chất dinh dưỡng có trong nước thải. Trong bể còn có các thiết bị phân phối khí tạo điều kiện cho các vi khuẩn hiếu khí hoạt động. Dòng nước sau khi được xử lý ở bể MBBR, amoni trong nước thải đã được chuyển hóa hoàn toàn thành NO_3^- , sẽ được tuần hoàn về đầu bể thiếu khí để khử Nitơ.

Sau khi qua bể MBBR, nước thải vẫn còn hàm lượng chất rắn lơ lửng. Vì vậy, nước thải sẽ được dẫn qua bể lắng. Bể lắng lamen được thiết kế bao gồm hệ thống tấm lắng lamen giúp tăng hiệu quả lắng. Tại đây, nước thải được xáo trộn với các vi sinh vật hiếu khí nhờ hệ thống cấp không khí. Quá trình này tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Trong quá trình tiếp xúc đó, vi sinh vật hiếu khí lấy các chất ô nhiễm có trong nước thải (COD, BOD, Nitơ, photpho, kim loại nặng,...) làm thức ăn của chúng, làm tăng sinh khối và kết thành các bông bùn. Quá trình oxy hóa $\text{NH}_4 \rightarrow \text{NO}_3$ diễn ra tại ngăn này.

Tại đây dưới sự tác động của sinh vật hiếu khí, và hệ thống phân phối khí trong bể các chỉ tiêu COD, BOD được xử lý hiệu quả 92 – 98% làm tăng chỉ số oxy hòa tan trong nước (DO). Mức duy trì chỉ số DO trong ngăn Oxic luôn ở mức 1,5 – 2 mg/l.

Giai đoạn xử lý hiếu khí là công đoạn xử lý triệt để các thành phần hữu cơ có trong nước thải. Hệ thống sục khí không chỉ có nhiệm vụ cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động mà còn có vai trò khuấy trộn dòng nước tăng khả năng tiếp xúc của bùn hoạt tính. Ngoài ra, để tăng khả năng tiếp xúc giữa bùn hoạt tính với nước thải và giảm thể tích khối bể xử lý; tại đây được bổ sung vật liệu mang vi sinh. Vật liệu mang được lựa chọn có bề mặt nhám của đệm vi sinh là $350\text{-}410\text{m}^2/01\text{m}^3$ đảm bảo diện tích bề mặt, khả năng dính bám của vi sinh vật được phát huy tối đa và có độ bền cơ học trong môi trường nước thải cao.

Sau khi qua các ngăn xử lý bằng bùn hoạt tính, nước lẫn bùn được phân phối vào ngăn lắng; tại đây, nhờ trọng lực của bông cặn, hỗn hợp thải được phân ly ra làm ba pha riêng biệt (pha bùn cặn, pha huyền phù, pha nước trong). Do đó, việc phân tách hoàn toàn thể rắn và nước trong ra hai pha tách biệt; các hạt huyền phù, bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ dễ dàng lắng xuống dưới đáy.

Nước thải sau khi được phân tách phần nước trong tiếp tục được đưa sang bể trộn hóa chất và phản ứng hóa chất. Tại bể bổ sung hóa chất PAC để xử lý photpho và lắng cặn hiệu quả hơn trước khi qua

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

khử trùng. Tại đây, nước thải được châm clo khử trùng để loại bỏ vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform, để loại trừ khả năng lan truyền các vi sinh gây hại ra ngoài môi trường. Trong bể khử trùng có các tường ngăn hướng dòng làm cho dòng nước bị xáo trộn.

Hóa chất khử trùng là dung dịch Javen, liều lượng Javen cho vào nước để khử trùng là 3g/m³.

Nước thải sau khử trùng hoàn toàn đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn thải ra môi trường (QCVN14:2025/BTNMT).

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

(ii). Tính toán công nghệ XLNT sinh hoạt

Tính toán công nghệ xử lý nước thải được trình như sau:

1. Tính toán bể bơm nước thải đầu vào

- Lưu lượng nước thải giờ max $Q = 46,9 \text{ (m}^3/\text{h)}$
- Chọn lưu lượng hoạt động của bơm nước thải $q_{\text{bơm}} = 47 \text{ (m}^3/\text{h)}$
- Thời gian tối thiểu mỗi lần bật, tắt bơm là $T = 12 \text{ (phút)} = 0,20 \text{ (giờ)}$
- Thể tích hữu ích của hố gom $V = T \times q_{\text{Bơm}} = 0,20 \times 47 = 9,38 \text{ (m}^3)$
- Quy ước cốt hoàn thiện khu vực trạm xử lý là cốt + 0,00 (m)
- Căn cứ vào bản vẽ hệ thống thu gom thoát nước, Sơ bộ tính toán được cốt đáy cống thoát nước chảy vào bể bơm là $EV1 = -2,5 \text{ (m)}$ (Tạm tính); Chọn cốt cao độ đáy hố bơm là $EV2 = -4,3 \text{ (m)}$; Chiều cao mực nước cao nhất trong hố gom là $H_{\text{Nước max}} = EV1 - EV2 = 1,80 \text{ (m)}$; Cài đặt phao báo mức, Phao On khởi động bơm ở cao độ thấp hơn mực nước cao nhất là: $H_{\text{phao On}} = 1,80 \text{ (m)}$; Chiều cao mực nước tối thiểu để bơm có thể hoạt động được là $H_{\text{nước min}} = 0,50 \text{ (m)}$.
- Mực nước hữu ích $H_{\text{nước hữu ích}} = H_{\text{Phao On}} - H_{\text{nước min}} = 1,80 - 0,50 = 1,30 \text{ (m)}$.
- Diện tích hữu ích của bể gom tính toán $= V / H_{\text{nước hữu ích}} = 9,38 / 1,30 = 7,21 \text{ (m}^2)$.

2. Bể lắng cặn, tách mỡ

Bể tách dầu mỡ có nhiệm vụ tách dầu mỡ có trong nước thải

Lưu lượng tính toán bằng lưu lượng hoạt động của máy bơm trong Bể bơm đầu vào: $Q_{\text{tt}} = 47 \text{ (m}^3/\text{h)} = 0,781 \text{ (m}^3/\text{phút)}$

Thời gian lưu nước trong bể tách dầu mỡ có thời gian lưu nước tối thiểu là 10 phút (Mục 8.5.1 - TCVN 7957:2023)

Thể tích bể tách dầu mỡ $V = Q \times T = 0,781 \times 30 \rightarrow V = 23,4 \text{ (m}^3)$

Trong đó:

Q - Lưu lượng lớn nhất của nước thải (m^3/s)

T - Thời gian lưu nước chọn bằng 30,0 Phút

3. Tính toán bể điều hòa

Thời gian lưu nước trong bể điều hòa từ 6 - 8 h

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Thể tích hữu ích ngăn điều hòa tính theo công thức: $V = q_{tt} \times T \text{ (m}^3\text{)} \rightarrow V = 18,75 \times 8,00 = 150,00 \text{ (m}^3\text{)}$

4. Thiết kế khối công trình xử lý sinh học

4.1. Kiểm tra Thiết kế SRT dựa trên động học Nitrat hóa

- Ở điều kiện nhiệt độ là $T = 20,0 \text{ (}^\circ\text{C)}$;
- $\mu_{m \text{ AOB}}(T) = \text{ở nhiệt độ } T = 20,0 \text{ (}^\circ\text{C)}$;
- $\mu_{m \text{ AOB}}(T) = \mu_{m \text{ AOB}}(20^\circ\text{C}) \cdot \theta^{(T-20)} = 0,75 \times 1,07^{(T-20)} = 0,75 \text{ (g VSS /gVSS day)}$
- $K_N(T) = K_N(20^\circ\text{C}) \cdot \theta^{(T-20)} = 0,74 \times 1,05^{(T-20)} = 0,74 \text{ (g N/m}^3\text{)}$
- $k_{d, \text{ AOB}}(T) = k_{d, \text{ AOB}}(T) \cdot (20^\circ\text{C}) \cdot \theta^{(T-20)} = 0,08 \times 1,04^{(T-20)} = 0,08 \text{ (g VSS /gVSS ngày)}$

- Sử dụng các giá trị đã cho, các thông số động học khác và các điều kiện thiết kế, tốc độ tăng trưởng cụ thể của AOB có thể được tính như sau

$$\mu_{AOB} = \left(\frac{\mu_{m, AOB} \cdot NH_3}{K_N + NH_3} \right) \left(\frac{DO}{K_{DO} + DO} \right) - k_{d, AOB}$$

$\rightarrow \mu_{AOB} = 0,44 \text{ g/g ngày}$

- Trong đó:

- + $\mu_{m, \text{ AOB}}$ là tốc độ tăng trưởng cụ thể tối đa của AOB $0,75 \text{ (g VSS /gVSS ngày)}$;
- + NH_3 là nồng độ amoniac trong bể xử lý $5,00 \text{ (g N/m}^3\text{)}$;
- + K_N là hằng số bão hòa nửa ammonia $0,74 \text{ (g N/m}^3\text{)}$;
- + DO là nồng độ DO trong bể xử lý $2,00 \text{ (g / m}^3\text{)}$;
- + K_{DO} là hằng số bão hòa nửa cho DO $0,50 \text{ (mg/L)}$;
- + $k_{d, \text{ AOB}}$ là hằng số phân rã của AO $0,08 \text{ (g VSS /gVSS ngày)}$;

$$SRT = \frac{1}{\mu_{AOB}}$$

- Thời gian lưu trữ thủy lực :

+ $SRT = 1 / 0,44 \text{ (g /g ngày)} = 2,26 \text{ (Ngày)}$

- Hệ số an toàn K lấy cho hệ thống $K = 1,50$

- Do đó, SRT thiết kế $= 1,5 \times 2,26 = 3,39 \text{ (Ngày)}$

4.2. Tính toán lượng chất rắn hình thành do phản ứng sinh học

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- $k_d(T) = k_d(20^\circ\text{C}) \cdot \theta^{(T-20)}$
- $k_d(T) = 0,12 \times 1,04^{(T-20)}$
- $k_d(T) = 0,12 \text{ (g VSS /gVSS ngày)}$
- $\mu_m(T) = \mu_m(20^\circ\text{C}) \cdot \theta^{(T-20)}$
- $\mu_m(T) = 6,00 \times 1,07^{(T-20)}$
- $\mu_m(T) = 6,00 \text{ (g VSS /gVSS ngày)}$

- *Nồng độ BOD 5 trong nước thải với thời gian lưu trữ thủy lực được tính bằng công thức sau:*

$$S = \frac{K_s (1 + k_d SRT)}{SRT(\mu_m - k_d) - 1}$$

→ $S = 1,49 \text{ (g BOD}_5/\text{m}^3)$

- *Thông số động học*

- + K_s = hằng số bão hòa nửa cho việc sử dụng chất nền: $20,00 \text{ (g BOD}_5/\text{m}^3)$
- + k_d = hằng số phân rã: $0,12 \text{ g VSS/g VSS ngày}$
- + $\mu_m = 6,00 \text{ g VSS/g VSS}$

- *Tính các hệ số trong phương trình:*

$$P_{X,bio} = \frac{QY(S_0 - S)}{1 + k_d SRT} + \frac{QY_n N_{ox}}{1 + k_{d,NOB} SRT} + f_d k_d \frac{QY(S_0 - S)}{1 + k_d SRT} SRT$$

$$P_{XT} = A + B + C$$

- Trong đó:

- + Y_n là sản lượng tăng trưởng của vi khuẩn nitrat: $0,12 \text{ (g VSS/g BOD}_5)$;
- + NO_x là nồng độ ammonia oxy hoá, $(\text{g N} / \text{m}^3)$;
- + k_{dn} là hằng số phân rã của vi khuẩn nitrat hoá, $0,08 \text{ (ngày}^{-1})$;
- + Q là lưu lượng nước thải đầu vào $450,00 \text{ (m}^3/\text{ngày)}$;
- + Y năng suất sinh khối $0,40 \text{ (g VSS / g BOD}_5)$;
- + Nồng độ BOD5 phân hủy sinh học S trong nước thải đầu ra $1,49 \text{ (g BOD}_5/\text{m}^3)$;
- + Nồng độ BOD5 phân hủy sinh học S_0 trong nước thải đầu vào $250,00 \text{ (g VSS / g BOD}_5)$;

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- + k_d = hằng số phân rã 0,12 (g VSS/g VSS ngày);
- + $SRT = 3,39$ (ngày);
- + $X_{0,1}$ là chất trơ trong nước thải, (mg VSS / L);
- + $k_{d,AOB}$ = hằng số phân rã 0,06 g VSS/g VSS ngày;
- + f_d = phần sinh khối còn lại như các mảnh vỡ tế bào 0,15 g VSS/g VSS;

- Tính toán được:

$$A = \frac{QY(S_0 - S)}{1 + k_d SRT} = 31,801 \text{ kgVSS/ngày}$$

$$C = f_d k_d \frac{QY(S_0 - S)}{1 + k_d SRT} SRT = 1,940 \text{ kg VSS/ngày}$$

$$B = \frac{QY_n N_{ox}}{1 + k_{d,AOB} SRT} = 2,827 \text{ kgVSS/ngày}$$

Vậy:

$$+ P_{X,bio} = A + B + C = 36,567$$

$$+ P_{X,bio} = 31,801 + B + 1,940 = 36,567$$

$$+ P_{X,bio} = 33,741 + B = 36,567$$

- Ta có phương trình 1

$$+ P_{X,bio} - B = 33,74$$

$$+ P_{X,bio} - Q \cdot Y_n \cdot N_{ox} / (1 + k_{d,AOB} \cdot SRT) = 33,74$$

$$+ 1 P_{X,bio} - 0,0448758 \times N_{ox} = 33,74$$

$$\text{- Phương trình 2: } N_{ox} = TKN_0 - N_e - \frac{0,12 P_{X,bio} \cdot 1000}{Q}$$

Trong đó:

$$+ Q \text{ là lưu lượng nước thải: } 450,00 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$$

$$+ TKN_0 \text{ là nồng độ TKN có chứa trong nước thải: } 70,00 \text{ (g N / m}^3\text{)}$$

$$+ N_e \text{ là nồng độ amoniac thải ra } 5,00 \text{ (g N / m}^3\text{)}$$

+ $P_{X,bio}$ sinh học là tỷ lệ SX chất rắn hàng ngày do sự PT của vi sinh vật và sự phân rã, g VSS / ngày

$$+ 0,12 \text{ là phân số nitơ trong sinh khối, đơn vị}$$

$$0,266667 \times P_{X,bio} + 1,00 \times N_{ox} = 65 \text{ (g N / m}^3\text{)}$$

- Giải phương trình 1 và 2 ta có

$$P_{X,bio} = 24,78 \text{ (kg VSS/ngày)}$$

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

$$N_{ox} = 62,99 \text{ (g/m}^3\text{)}$$

4.3. Xác định thể tích bể hiếu khí

- Tính toán sản lượng chất rắn hàng ngày (PXT) để ước lượng tổng khối lượng rắn trong bể:

$$PXTSS = P X_{bio} + Q X_{o,I} + Q (TSS_0 - VSS_0)$$

$$- PXT = 24776,08 \text{ g VSS/ngày} + (450,00 \text{ m}^3/\text{ngày}) \times 20,00 \text{ (g / m}^3\text{)} + 450,00 \times 10,00 = 38276,08 \text{ (g VSS/ngày)}$$

- $X_{o, i}$ là chất lơ lửng trong nước thải, $= 20,00 \text{ (g / m}^3\text{)}$

- Thể tích bể hiếu khí

- $V = (\text{Khối lượng chất rắn trong bể sinh học}) / (\text{Tổng nồng độ chất rắn bể})$

$$- V = 38276,08 \text{ (g VSS/ngày)} \times 3,39 \text{ (ngày)} / 2200,00 \text{ (g VSS/m}^3\text{)} = 59 \text{ (m}^3\text{)}$$

- Thời gian lưu nước trong bể

$$T = V / (Q \cdot 24) = 59 / 450,00 \times 24 = 3,1 \text{ (h)}.$$

4.4. Xác định thể tích bể thiếu khí

- Giả sử thời gian lưu nước trong bể thiếu khí $T = 7 \text{ h}$

- Lưu lượng trung bình $q = 18,75 \text{ (m}^3/\text{h)}$

- Thể tích bể thiếu khí (m^3)

- Sử dụng công thức 7-43 trong tài liệu Wastewater Engineering Treatment and Reuse, 4th Edition

$$X_b = \left[\frac{Q(SRT)}{V} \right] * \left[\frac{Y(S_o - S)}{1 + (k_d)SRT} \right]$$

- Trong đó: $(S_o - S) \approx S_o$

+ Q là lưu lượng nước thải $= 450,00 \text{ (m}^3 / \text{ngày)}$

+ $SRT = 3,39 \text{ (Ngày)}$

+ $Y = 0,40 \text{ g VSS/g COD}$

+ $S_o = b \text{ COD} = 1,6 \times BOD = 400,00 \text{ (mg/l)}$

+ V là thể tích bể hiếu khí đã tính toán ở phần trên $= 59,0 \text{ (m}^3\text{)}$

+ $k_d = 0,088$

- Tính toán được $X_b = 3187,8 \text{ (g/m}^3\text{)}$

- Tính toán R :

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

+ Nồng độ bùn hoạt tính tại bể hiếu khí = 2.200 (mg/l)

+ Nồng độ bùn tuần hoàn từ bể lắng = 8000,0 (mg/l)

R = 0,38

Tính toán IR: $IR = \frac{NO_x}{N_e} - 1 - R = 2,82$

- Trong đó:

+ Nox = 62,99 (g/m³)

+ Ne = 15 (g/m³) là nồng độ NO₃ trong dòng nước thải ra khỏi bể hiếu khí

+ R = 0,38

- Tính toán lưu lượng vào bể thiếu khí

+ Lưu lượng nước thải vào bể thiếu khí = IR x Q + R x Q = 1439,79 (m³/ngày)

Trong đó:

+ IR = 2,82

+ R = 0,38

+ Q = 450,00 (m³/ngày)

+ Tính toán Nox feed = 1439,79 x 15,0 = 21596,871 (g/d)

+ Tính toán F/Mb sử dụng công thức 8-43 trong tài liệu Wastewater Engineering Treatment and Reuse, 4th Edition

$$\frac{F}{M_b} = \frac{QS_o}{V_{nox}X_b}$$

- Trong đó:

+ Q là lưu lượng nước thải 450,00 (m³/ngày);

+ S0 là BOD trong nước thải 250,00 g/m³;

+ V_{nox} = 131,3 m³

+ Xb = 3187,8 (g/m³)

- Tính được F/Mb = 0,27 g/g.d

+ Dựa vào hình 8-23 trong tài liệu Wastewater Engineering Treatment and Reuse, 4th Edition tra được SDNRb = 0,07 tại 20°C

- Tính được SDNR tại T độ C = 0,07 x (1,026)^{T-20} = 0,070;

- Kiểm tra Nor: NOr = (Vnox) x (SDNR) x (MLVSS, biomass)

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

$$+ \text{NO}_r = 58,96 \times 0,070 \times 3.187,75 = 13156 \text{ g/d}$$

- So sánh năng lực loại bỏ Nitrat
- $13156 > 21.597$ Như vậy có khoảng -39 % Năng lực loại bỏ nitrat dư thừa nên thể tích bể thiếu khí chọn đảm bảo yêu cầu.

- Tính lượng bùn thải

+ Lượng bùn sinh ra trong 1 ngày

$$+ P_{X,TSS} = P_{X,bio} / 0,8 = 24,78 \times 0,80;$$

$$+ P_{X,TSS} = 30,97 \text{ (kgTSS/ngày)};$$

- Tỷ trọng của bùn là : $1.008 \text{ (g/m}^3\text{)}$;

+ Lưu lượng bùn xả ra trong 1 ngày đêm là: $Q_B^{ngđ} = \frac{1000 \times P_{X,TSS}}{p \times X_r} = 3,84 \text{ m}^3\text{/ngày}$ ($X_r = 8.000 \text{ mg/l}$)

- Thiết kế 1 bơm bùn dư:

+ Tổng lưu lượng bùn dư là: $Q_b = 3,8 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$;

+ Chọn hệ số an toàn $K = 1,2$;

+ Thiết kế bơm có lưu lượng đạt $4,6 \text{ (m}^3\text{/h)}$;

+ Chọn bơm bùn dư có thông số như sau:

+ Số thiết bị 1 (Thiết bị);

+ Điện áp bơm: $380\text{V}/50\text{Hz}/3\text{Phase}$;

+ Công suất bơm $P = 0,4 \text{ (kW)}$;

+ Chọn cột áp hoạt động của bơm là $H = 5 \text{ (mH}_2\text{O)}$;

+ Lưu lượng của bơm là $Q_{bơm} = 3 \text{ (m}^3\text{/h)}$;

+ Tổng thời gian chạy của bơm bùn thải là $T = Q/Q_{bơm} = 1,28 \text{ (h/ngày)}$;

5. Tính toán bể lắng sinh học

- Tải trọng thủy lực của bể lắng 2 là $q = 16 - 32 \text{ (m}^3\text{/m}^2\text{.ngày)}$;

- (Tham khảo bảng 8-7 - Typical design information for secondary clarifiers for the activated - sludge process tài liệu Wastewater Engineering Treatment and Reuse - Metcalf & Eddy, 4th Edition)

- Chọn tải trọng bể lắng $q = 20 \text{ (m}^3\text{/m}^2\text{.ngày)}$;

- Diện tích bể lắng $S = Q/q = 450,00 / 20 = 22,5 \text{ (m}^2\text{)}$

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Hệ số kể đến phần diện tích của ống lắng, máng thu nước là 1,10
- Thiết kế 1 bể lắng với diện tích $= 22,50 \times 1,10 = 24,75 \text{ (m}^2\text{)}$

6. Tính toán cụm bể trộn, bể phản ứng, bể lắng hóa lý

- Bể trộn hóa chất:

+ Lưu lượng tính toán $Q = 18,75 \text{ (m}^3\text{/h)}$;

+ Thời gian lưu nước là $T = 3 \text{ (phút)}$;

+ Như vậy dung tích hữu ích bể xử lý :

+ $V \text{ hữu ích} = 0,94 \text{ (m}^3\text{)}$

+ Bể phản ứng

+ Lưu lượng tính toán $Q = 18,75 \text{ (m}^3\text{/h)}$

+ Thời gian lưu nước là $T = 10 \text{ (phút)}$

+ Tham khảo điều 8.21.8 - TCVN 7957:2008 "Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế

+ Như vậy dung tích hữu ích bể xử lý : $V \text{ hữu ích} = 3,13 \text{ (m}^3\text{)}$

- Bể lắng hóa lý

+ Tham khảo điều 6.66. - TCVN 33:2006

+ Diện tích bể lắng được tính theo công thức: $F = \beta \frac{q}{3,6 \cdot v_{tt} \cdot N} \text{ (m}^2\text{)}$

Trong đó:

- Q : Lưu lượng nước tính toán ($\text{m}^3\text{/h}$) $= 18,75 \text{ (m}^3\text{/h)}$

- v_{tt} : Tốc độ tính toán của dòng nước đi lên bằng mm/s . $0,45 \text{ (mm/s)}$

- Áp dụng cho trường hợp sử dụng chất phụ trợ keo tụ thì cần lấy tăng tốc rơi của cặn lên 15-20%.

- Nên tốc độ rơi $= 0,45 \times 1,20 = 0,5 \text{ (mm/s)}$

- Tốc độ này không được lớn hơn tốc độ lắng của cặn ghi trong bảng 6.9; điều 6.71

- N : Số bể lắng. 1 bể

- β : Hệ số kể đến việc sử dụng dung tích bể lấy trong giới hạn 1,3-1,5 (giới hạn dưới tỉ số giữa đường kính và chiều dài bán kính và chiều cao bằng 1, giới hạn trên tỉ số này là 1,5). Chọn bằng 1,5

- Tính được $F = 14,47 \text{ (m}^2\text{)}$

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Hệ số kể đến phần diện tích của ống lắng, máng thu nước là 1,10
- Thiết kế 1 bể lắng với diện tích $= 14,47 \times 1,10 = 15,91 \text{ (m}^2\text{)}$
- Liều lượng PAC, PAA dùng để xử lý bùn chọn lần lượt là 50 g/m^3 và 3 g/m^3 ;
- (Liều lượng hóa chất trên là tạm tính, khi vận hành cần tiến hành thí nghiệm để tìm ra lượng hóa chất tối ưu).
- Lượng hóa chất PAC sử dụng 1 tháng là $M1 = Q_b \times 0,05 \times 30 = 450,0 \times 0,05 \times 30 = 675,0 \text{ (kg/tháng)}$.
- Lượng hóa chất PAC dùng 1 ngày là $22,50 \text{ (kg/ngày)}$;
- Lượng dung dịch PAC 10 % dùng 1 ngày là $225,0 \text{ (kg/ngày)}$;
- Lượng hóa chất PAA sử dụng 1 tháng là $M1 = Q_b \times 0,003 \times 30 = 450,0 \times 0,003 \times 30 = 40,5 \text{ (kg/tháng)}$;
- Lượng hóa chất PAA dùng 1 ngày là $1,35 \text{ (kg/ngày)}$;

7. Tính toán bể khử trùng

- Thể tích bể khử trùng tính theo công thức
- + $V = q_{\text{Trung bình}} \times T \text{ (m}^3\text{)}$;
- + $V = 18,75 \times 0,75 = 14,06 \text{ (m}^3\text{)}$;
- Trong đó:
- + q : Trung bình Là lưu lượng nước thải trung bình $= 18,75 \text{ (m}^3\text{/h)}$;
- + T : là thời gian lưu nước trong bể khử trùng $= 0,75 \text{ (h)}$;
- + Tham khảo 8.28.5 Thời gian tiếp xúc của hóa chất khử trùng với nước thải
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7957:2008);

Tính toán hóa chất khử trùng, bơm định lượng hóa chất khử trùng

$Q = 450,00 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$

a: lượng clo cần dùng cho 1 m^3 nước thải: 3 (gam)

(Tham khảo 8.28.3 Liều lượng clo hoạt tính dùng khử trùng nước thải - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7957:2008);

- Lượng hóa chất clo cần dùng là $M1 = a \times Q / 1000 = 3,00 \times 450,00 / 1000 = 1,35 \text{ (kg/ngày)}$;
- Nước javen là NaOCl;
- Lượng phân tử javen cần là $M2 = M1 \times (35,5 + 23 + 16) / 35,5 = 2,8 \text{ Kg NaOCl/ngày}$;

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Hàm lượng javne là 10,0 %;
- Lượng nước javen 28,6 kg dung dịch NaOCl/ngày;
- Tỷ trọng nước javen là 1,2 kg/lít;
- Suy ra số lít javen $V = 32,9 \text{ lit/ngày} = 987,19 \text{ (Lít/tháng)}$;

(iv). Tọa độ xả thải và thông số kỹ thuật bể

- Nước thải sau xử lý sẽ được xả thải vào tuyến kênh Hải Vân tại 01 điểm xả, tọa độ điểm xả nước thải của dự án như sau: Hệ tọa độ (VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30''$): $X_{(m)} = X_{(m)} = 2285955$; $Y_{(m)} = 586336$.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung nên hoàn toàn phù hợp.

Vị trí đặt trạm xử lý tại khu đất XLNT theo quy hoạch tổng mặt bằng dự án khu đất có diện tích 450 m^2 , khoảng cách từ trạm xử lý nước thải đến đất đầu giá đất ở gần nhất về phía Đông là khoảng 20m đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo điểm d số thứ tự 2 bảng 2.22 là 15m (*Công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom, xử lý mùi*) tại QCVN 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng là 15m.

Khu vực trạm xử lý nước thải được quy hoạch chung với khu nghĩa trang đóng cửa là khu đất cây xanh đô thị 02 (CXĐT-02) bao quanh 02 khu vực với diện tích quy hoạch là 4.122 m^2 . Vị trí khu vực khu nghĩa trang và trạm xử lý như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Hình 29. Vị trí khu nghĩa trang và trạm xử lý nước thải với các đối tượng xung quanh



Khi dự án mới đi vào hoạt động, do lượng nước thải phát sinh ít khi đó hệ thống sẽ hoạt động ở mức non tải để phù hợp với lượng nước thải phát sinh đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn. Quy trình thực hiện như sau:

- Bước 1: Người vận hành kiểm tra ghi chép lưu lượng nước thải đầu vào ($m^3/ngày.đêm$), lưu lượng nước thải sẽ được điều tiết ổn định tại bể điều hòa.

- Bước 2: Bơm bể điều hòa hoạt động theo tín hiệu của phao định mức và lựa chọn cho chế độ hoạt động đủ công suất. Vì vậy người vận hành phải mở van xả hồi lưu nước thải đảm bảo thời gian hoạt động của máy bơm; Máy thổi khí vẫn phải hoạt động luân phiên, liên tục để cung cấp lượng oxy cho vi sinh vật (trừ hệ thống xử lý nước thải có thiết kế thiết bị đo DO, máy thổi khí sẽ hoạt động theo tín hiệu của thiết bị đo DO); Đường bùn hồi lưu về bể chứa bùn thời gian đầu sẽ được đóng hoàn toàn để bổ sung vi sinh từ bể hiếu khí về bể thiếu khí;

- Bước 3: Bổ sung hóa chất tính toán theo lưu lượng bơm bể điều hòa sang bể thiếu khí;

- Bước 4: Hằng ngày lấy mẫu, kiểm tra hàm lượng vi sinh tại bể hiếu khí, chỉ số SV30 tại bể lắng.

- Bước 5: Định kỳ lấy mẫu nước thải sau xử lý để phân tích để có hiệu chỉnh kịp thời.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Bước 6: Ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

* Vận hành hệ thống xử lý nước thải ở chế độ đủ tải:

+ Vận hành theo hướng dẫn vận hành của đơn vị thi công hệ thống xử lý sau khi xây dựng và vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

+ Thời gian đầu trong giai đoạn 1 của dự án dân số ít chỉ thiết kế 1 module sẽ vận hành theo thiết kế của trạm, thu gom nước thải và vận hành theo hướng dẫn.

+ Quá trình vận hành 2 module: Cài đặt bơm và phao định mức để bơm nước thải về 2 module lần lượt song song đảm bảo 2 module luôn được vận hành song song.

Do đặc thù dự án phát triển hạ tầng khu dân cư nên thời gian đầu lượng dân cư về khu vực dự án có thể ít, chưa tập trung số lượng lớn nên việc đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải tổng công suất là 450 m³/ngày.đêm là lãng phí, khó vận hành hay phải vận hành non tải. Để giải quyết vấn đề trên hệ thống xử lý nước thải sẽ được thiết kế 2 line tại công đoạn xử lý, đảm bảo vừa thu gom xử lý nước giai đoạn đầu chưa tập trung dân cư, vừa dễ dàng vận hành và bảo trì khi hệ thống gặp sự cố.

(iii). Phương án quản lý bùn thải từ trạm XLNT

Do tính chất của công trình là dự án là khu đô thị nên nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt và vì vậy, bùn thải từ trạm XLNT sẽ không phải là CTNH. Công tác quản lý bùn thải loại này sẽ được thực hiện tương tự như CTR thông thường. Bùn thải sau khi tách nước sẽ được chuyển sang bể chứa bùn. Đơn vị vận hành quản lý sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và vận chuyển xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải cũng như bùn thải từ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*hệ thống cống thu gom thoát nước mưa và cống thu gom thoát nước thải*).

3.2.2.3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do CTR

a) Các biện pháp phân loại rác tại nguồn

Để phục vụ cho công tác phân loại rác thải nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường 2020, Dự án sẽ áp dụng các biện pháp phân loại rác tại nguồn như sau:

Công tác phân loại CTRSH phát sinh từ hoạt động của Dự án sẽ được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 2/11/2023 của Bộ TNMT. CTRSH được nhận diện và phân loại chi tiết như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Hình 30. Hướng dẫn nhận diện và phân loại CTRSH tại dự án

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
Nhóm 1. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế			
1.1	Giấy thải		
1.1.1	Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy.		- Loại bỏ nước, dung dịch chứa bên trong. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.1.2	Sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết,...; Thùng, bìa carton; Lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy,...; Các loại bao bì giấy khác không nhiễm bẩn.		- Loại bỏ thực phẩm, sản phẩm chứa đựng ban đầu. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.2	Nhựa thải		
1.2.1	Bao bì nhựa đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tháo nắp, loại bỏ nước, dung dịch hoặc sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
1.2.2	Các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; Ly, cốc nhựa.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong.
1.3	Kim loại thải		

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
1.3.1	Bao bì nhôm, sắt hoặc kim loại khác đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
1.3.2	Đồ dùng nhà bếp bằng kim loại: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, dĩa,...; Các loại vật dụng kim loại thải khác.		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
1.4.	Thủy tinh thải		
1.4.1	Chai, lọ thủy tinh đựng bia, rượu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế... (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tháo nắp, loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn, hạn chế va đập, gây vỡ.
1.4.2	Bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; tái sử dụng với đồ vật còn nguyên vẹn.
1.4.3	Thủy tinh thải khác.		Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
1.5	Vải, đồ da		

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
1.5.1	Quần áo, phụ kiện; giày, dép, vali; chăn, màn, rèm cửa bằng vải,...(không dính thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tái sử dụng đối với các đồ vật sạch. - Thu gom.
1.6	Đồ gỗ		
1.6.1	Đồ chơi; vật trang trí, đồ gia dụng, hộp, khay,...bằng gỗ.		- Tái sử dụng đối với vật dụng còn nguyên vẹn. - Thu gom, giảm kích thước, thể tích đối với các vật dụng đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.	Cao su		
1.7.1	Đồ chơi bằng cao su.		- Tái sử dụng đối với đồ chơi còn nguyên vẹn. - Thu gom, giảm kích thước, thể tích đối với đồ chơi đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.2	Săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại.		Bỏ gom.
1.8	Thiết bị điện, điện tử thải bỏ		
1.8.1	Các thiết bị điện, điện tử nhỏ như: máy ảnh và máy ghi hình; điện thoại di động và điện thoại để bàn; dây cáp và phụ kiện máy tính; bảng điều khiển trò chơi; đồ chơi điện tử; máy tính toán cầm tay; bàn phím; máy tính xách tay và máy tính bảng; máy nhắn tin; bộ đàm, đèn led, đèn		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HÀ TÀNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
	halogen,...		
1.8.2	Các thiết bị điện, điện tử lớn như: máy tính để bàn và màn hình; máy fax; máy in và máy quét; dàn âm thanh và loa; tivi; máy đánh chữ; đầu đĩa VCR/DVD, tấm quang năng,... Tủ lạnh, tủ đông, máy điều hòa, máy rửa bát, máy giặt, quạt điện, quạt sưởi, bếp điện, bếp từ, lò nướng, nồi cơm điện,...		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
Nhóm 2: Chất thải thực phẩm			
2.1	Thức ăn thừa; Thực phẩm hết hạn sử dụng.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,...kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.
2.2	Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,...kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.
Nhóm 3. Chất thải rắn sinh hoạt khác			
3.1	Chất thải nguy hại		

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
3.1.1	Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,...từ hoạt động sinh hoạt; Sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); Găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; Kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh.	  	- Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì... để an toàn, tránh phát tán CTNH ra ngoài môi trường. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn (như kim tiêm) để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
3.1.2	Các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải.		- Không đập vỡ. - Trường hợp bị vỡ thì lưu giữ bảo đảm an toàn tránh gây thương tích, ngăn ngừa phát tán thủy ngân trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
3.1.3	Các loại pin, ắc quy thải.		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
3.2.	Chất thải công kênh		
3.2.1	Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, cũ hỏng,...	 	Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
3.2.2	Tủ sắt, khung cửa, cánh cửa,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.
3.2.3	Cành cây, gốc cây,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
3.3	Chất thải khác còn lại		
3.3.1	Vỏ các loại hạt như macca, óc chó, hạt điều, dừa, vỏ trứng, xơ dừa, rom, trấu,...từ hoạt động sinh hoạt. Chiếu cói; chiếu tre, trúc; gối mây, tre,...; Lông gia súc, gia cầm,...; Bã các loại: cà phê, trà (túi trà), bã mía, xác mía, lõi ngô (cùi bắp),...; Chất thải từ làm vườn từ hộ gia đình như lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
3.3.2	Phân động vật cảnh; xác động vật cảnh chết không do dịch bệnh,...		Chứa trong vật đựng kín, không rò rỉ, ngăn ngừa phát tán mùi.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
3.3.3	Tã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, giấy ăn đã sử dụng; giấy ướt đã sử dụng; bông tẩy trang, khẩu trang,...; Các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần; Bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá,...; Bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ răng; Vỏ thuốc,...		Thu gom, giảm kích thước, thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.4	Giày, dép nhựa, thước kẻ, muôi (vá), thìa (muỗng) bằng nhựa; Bút, bật lửa đã hết gas, bàn chải đánh răng, vỏ tuýp, hộp kem đánh răng,...; Các loại nhựa thải khác.		Bó gọn.
3.3.5	Vỏ cứng các loài thủy hải sản; Xi than từ hoạt động sinh hoạt,...; Gốm, sành, sứ thải...		Thu gom, giảm thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.6	Các loại chất thải còn lại.		Bó gọn.

- Chất thải thực phẩm: Bố trí thùng màu xanh, có sơn hướng dẫn trên thùng tại các vị trí dễ nhìn. Thùng này sẽ thu gom rác thải ở các loại sau: rau, củ, hoa quả, thức ăn thừa. Rác thải từ thùng này có thể sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc xử lý như CTR sinh hoạt.

- CTR có thể tái chế, tái sử dụng (không nguy hại): Bố trí thùng màu vàng, lưu giữ các loại rác gồm: cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa, nilon,... Rác thải từ thùng này có thể bán các đại lý thu gom, các cơ sở tái chế nhựa, giấy hoặc ký hợp đồng với các đơn vị được cấp phép tái chế.

- CTRSH khác: Bố trí thùng màu cam/màu đỏ và ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để thu gom và xử lý chất thải này.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Phổ biến cho người dân khu vực dự án thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị cho công tác phân loại rác thải tại nguồn như: Thùng đựng rác có ký hiệu riêng, bảng hướng dẫn, nội dung. Tuy nhiên, mục đích phân loại rác thải tại nguồn như trên là rất khó thực hiện. Kết quả này phụ thuộc chính là ý thức của dân cư.

b) Biện pháp thu gom và xử lý CTRSH

Lượng chất thải này chứa chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, sẽ không gây nguy hại với môi trường nếu có biện pháp xử lý thích hợp. CTRSH của Dự án được chứa trong thùng nhựa có nắp đậy kín được bố trí ngay tại các nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp) và sẽ được thu gom.

- Đối với các trục đường chính hoặc nơi công cộng đặt các thùng rác nhỏ, trên đường các thùng rác cách nhau khoảng $100 \div 150$ m để thuận tiện bỏ rác. Dự báo sẽ sử dụng 50 thùng rác có dung tích 300 lít và 50 thùng rác công cộng loại 40 lít cho toàn dự án.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng hoặc đề nghị đơn vị chức năng ký hợp đồng với từng hộ gia đình, chủ thể phát sinh rác thải để vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt tại nơi quy định.

- Tần suất thu gom CTR sinh hoạt: Tối thiểu 1 ngày/lần.

c) Thu gom CTR từ khu vực công cộng

Ở các khu vực công cộng như: công viên, đường nội bộ,... sẽ trang bị các thùng rác cục bộ, tùy theo lượng người và lượng rác thải có thể bố trí các thùng rác chuyên dụng, thùng rác phải đúng qui định, có nắp đậy để tránh gây vung vãi rác, thuận tiện cho việc bỏ rác vào cũng như lấy rác đi, tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân vệ sinh thu gom hàng ngày.

d) Điểm tập kết CTR

- Áp dụng hình thức thu gom bên lề đường theo khung giờ cố định nên tại khu vực dự án, không bố trí các điểm tập kết rác thải.

- Các xe thu gom đầy tay khi đầy sẽ được đổ thẳng lên các xe vận chuyển rác thải chuyên dụng và chuyển thẳng ra khu xử lý tập trung.

- Điểm đổ rác thải từ các xe đầy tay sang các xe chở rác chuyên dụng có thể linh hoạt lựa chọn tùy theo hiện trạng đảm bảo các yêu cầu: cách xa khu vực dân cư/cơ quan,.. đảm bảo không gây tắc nghẽn giao thông.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

3.2.2.4. Biện pháp quản lý CTNH

- Do đặc thù của dự án chỉ là đầu tư xây dựng các công trình HTKT, các công trình xây dựng dân dụng nên biện pháp quản lý CTNH như sau:

+ Đối với khu dân cư: Rất khó để yêu cầu dân cư phân loại CTNH khi vứt rác thải. Chủ dự án cùng với chính quyền địa phương sẽ tuyên truyền, vận động dân cư phân loại CTNH, không vứt cùng với CTRSH. Biện pháp quản lý CTNH trong khu dân cư cũng sẽ được thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

+ Đối với các công trình công cộng: Các Nhà đầu tư thứ cấp có trách nhiệm quản lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật về phân loại, lưu giữ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với đơn vị có đủ chức năng. Trong phạm vi mỗi công trình sẽ có kho lưu giữ CTNH theo quy định.

- Biện pháp quản lý CTNH từ các hoạt động chăm sóc cây xanh: Công tác quản lý hệ thống HTKT (có hạng mục cây xanh) cho chính quyền địa phương (hoặc đơn vị khác) quản lý thì công tác quản lý CTNH từ hoạt động chăm sóc cây xanh cũng do chính quyền địa phương hoặc đơn vị được giao chăm sóc cây xanh thực hiện. Phương án quản lý được trình bày như sau:

+ Thu gom: Để thu gom rác thải nguy hại, Dự án có thùng chứa đặt tại khu vực lưu giữ rác thải nguy hại của dự án để những người làm nhiệm vụ chăm sóc cây dễ dàng đem các vỏ chai lọ, bao bì thuốc BVTV bỏ vào các thùng này. Vị trí này sẽ được đặt tại kho lưu giữ CTNH của khu đặt trạm XLNT của dự án.

+ Chất thải nguy hại trong quá trình vận hành Trạm xử lý nước thải cũng được thu gom về kho chứa CTNH trong phạm vi trạm xử lý nước thải.

+ Lưu giữ: Kho chứa CTNH tại trạm xử lý nước thải bằng các thùng chứa kín, có nắp đậy đóng mở dễ dàng, bên ngoài có ghi dán nhãn theo đúng quy định, có diện tích là 12m², có gờ cao 30cm để phòng tràn đổ CTNH lỏng ra bên ngoài, có trang thiết bị PCCC, tường bao, mái che mưa, biển báo nguy hại và nghiêm cấm những người không có nhiệm vụ lại gần.

+ Vận chuyển, xử lý: Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chăm sóc cây xanh (có thể là chính quyền địa phương hoặc đơn vị khác) sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH để đến thu gom các vỏ chai lọ, bao bì thuốc BVTV từ các thùng rác này đưa đi xử lý theo đúng quy trình xử lý CTNH theo định kỳ hoặc theo thời vụ tùy vào khối lượng.

3.2.2.5. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến các yếu tố KT-XH

a) Các biện pháp giảm thiểu các tác động xã hội

Dự án khi đi vào vận hành sẽ thu hút đông người đến ở (1.670 người) và một lượng lớn khách vãng lai đến nên công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài dự án sẽ được coi trọng. Để đạt được mục tiêu trên, Chủ dự án hoặc đơn vị được

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

bàn giao quản lý sẽ thực thực hiện biện pháp sau:

- Xây dựng và ban hành nội quy về giữ gìn an ninh trật tự - bảo vệ môi trường - ứng xử văn hóa trong phạm vi dự án.
- Tổ chức đội bảo vệ để giữ gìn an ninh trật tự, hướng dẫn người điều khiển các giao thông, cấm bán hàng rong,...
- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.
- Không lấn chiếm, tận dụng vỉa hè cho các mục đích đỗ xe, kinh doanh, quảng cáo,...

b) Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Không tổ chức lấn chiếm lòng đường, vỉa hè để đỗ xe, trông giữ xe.
- Tổ chức lực lượng đảm bảo an toàn và hướng dẫn giao thông tại khu vực dự án và khu vực xung quanh bằng hệ thống các biển hiệu. Nghiêm cấm việc đỗ xe không đúng nơi quy định, gây ùn tắc giao thông.

3.2.2.6. Biện pháp trồng và chăm sóc cây xanh

Nhà đầu tư sẽ thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo phương án đã được phê duyệt tại quy hoạch

3.2.2.7. Tuyên truyền nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự cho toàn bộ các hộ dân cư và cán bộ, nhân viên trong Dự án.

- Chủ dự án kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý tại khu vực Dự án.
- Quy định nội quy rõ ràng tại khu vực Dự án.
- Liên hệ chặt chẽ với công an khu vực để phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực Dự án.

3.2.2.8. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án giai đoạn vận hành

a) Phòng chống sự cố cháy nổ

- Dự kiến bố trí các họng cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư và gần các công trình công cộng tạo điều kiện thuận lợi cho xe cứu hỏa lấy nước khi cần thiết, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính D100 mm và khoảng cách trung bình giữa các họng cứu hỏa khoảng 150 mm.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Các hạng cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường quy hoạch.
- Bên trong các công trình cần được thiết kế phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định hiện hành.

b) Phòng chống tai nạn giao thông

- Quy hoạch các điểm đầu nối hợp lý.
- Phân luồng giao thông, sắp xếp thời gian hoạt động của các xe cộ ra - vào hợp lý, tránh tập trung đông tại một thời điểm,
- Xây dựng quy trình kiểm tra, phối kết hợp giữa các cơ quan QLNN.

c) Biện pháp phòng chống và ứng cứu khi sự cố vỡ hệ thống thu gom nước thải

- Ống vận chuyển nước thải bản sẽ sử dụng ống nhựa HDPE. Ống nhựa HDPE có khả năng chịu nhiệt, chịu va đập rất tốt và có tuổi thọ rất cao.
- Chính quyền địa phương hoặc đơn vị được giao quản lý hệ thống thoát nước thải này sẽ cắt cử người thường xuyên kiểm tra hoạt động của tuyến ống.

d) Sự cố vỡ đường ống cấp nước

- Đường ống dẫn nước sẽ có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ đường ống dẫn nước là thường xuyên phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ để xử lý kịp thời.

e) Sự cố các trạm biến áp

- Khi lắp đặt trạm biến áp phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến công trình và các đối tượng xung quanh.
- Chủ dự án sẽ bàn giao các trạm biến áp cho ngành điện quản lý và vận hành.
- Đơn vị quản lý trạm biến áp vận hành theo đúng quy trình riêng của ngành điện, kịp thời sửa chữa, thay thế

f) Sự cố trạm XLNT tập trung

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

(i). Các biện pháp phòng ngừa

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố có thể xảy ra, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Cắt cử nhân viên giám sát chặt chẽ hoạt động của HTXLNT.
- Bố trí cán bộ chuyên môn phụ trách và tuân thủ nghiêm ngặt trình tự vận hành hệ thống, cụ thể:
 - + Chuẩn bị trước khi vận hành: Trước khi vận hành hệ thống, yêu cầu cán bộ phụ trách kiểm tra đầy đủ các điều kiện sau đây:
 - + Kiểm tra nguồn điện cấp cho tủ điện, nguồn điện cấp cho các thiết bị.
 - + Kiểm tra độ an toàn của thiết bị: loại bỏ các vật thể có thể làm ảnh hưởng tới quá trình hoạt động của thiết bị.
 - + Kiểm tra hoạt động của các thiết bị bảo vệ...
 - + Hiểu rõ nguyên lý, chức năng hoạt động của các hạng mục công trình và các thiết bị có trong hệ thống XLNT.
 - Công tác vận hành:
 - Kiểm tra hệ thống tủ điện điều khiển. Nếu thấy đèn báo lỗi và còi báo sự cố phải xử lý ngay.
 - + Kiểm tra nguồn điện cấp cho tủ điện điều khiển và hệ thống các đèn báo hiệu trên tủ điện. Đảm bảo các đèn báo hiệu hệ thống tủ điện hoạt động bình thường.
 - + Kiểm tra hóa chất tại hệ thống bồn hóa chất. Nếu đã hết cần pha bổ sung.
 - + Kiểm tra phao và bơm.
 - + Kiểm tra tình trạng của các thiết bị bao gồm: Máy thổi khí, máy bơm nước thải, bơm định lượng hóa chất, máy khuấy.
 - + Kiểm tra tình trạng các van điều khiển trên hệ thống đường ống cấp nước thải, đảm bảo các van đóng/mở bình thường.
 - + Kiểm tra tình trạng các van điều khiển trên hệ thống đường ống cấp khí, đảm bảo các van đóng/mở bình thường.
 - + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống để kịp thời phát hiện những thiết bị có khả năng bị hỏng hóc, cụ thể như sau:
 - Vệ sinh hệ thống
 - + Hàng ngày, cần thực hiện vệ sinh thiết bị của hệ thống. Các thiết bị cần vệ sinh chủ yếu là các thiết bị như bơm nước thải, máy thổi khí, bơm hút, bơm rửa, phao mực nước và tủ điện...
 - + Vệ sinh các thiết bị máy móc: chủ yếu là lau chùi bụi trên các thiết bị, giữ cho thiết bị được sạch sẽ, khô ráo.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

+ Vệ sinh các phao mực nước: công việc kiểm tra là xem các phao có bị đứt dây hoặc bị rối không. Nếu có, cần sửa chữa kịp thời để đảm bảo hệ thống hoạt động tốt.

+ Toàn bộ mặt bằng hệ thống luôn đảm bảo sạch sẽ và an toàn.

- Bảo trì thiết bị

Công tác bảo trì thiết bị của hệ thống XLNT tập trung được trình bày trong bảng sau:

Bảng 72. Công tác bảo trì thiết bị của hệ thống XLNT tập trung

TT	Thiết bị	Công việc thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phao tín hiệu	Vệ sinh phao	1 tuần/lần
2	Đồng hồ áp	Vệ sinh	1 tuần/lần
3	Bơm chìm	Vệ sinh, kiểm tra cánh bơm	Khi giảm lưu lượng
		Kiểm tra dầu nổi dây điện vào bơm	1 tháng/lần
4	Máy thổi khí	Vệ sinh bên ngoài	2 ngày/lần
		Thay nhớt máy (40-SAE hoặc 50-SAE)	3 tháng/lần
		Thay dây cua roa	6 tháng/lần
5	Bơm hút, bơm rửa	Vệ sinh bên ngoài bơm	2 ngày/lần
6	Thiết bị trên tủ điện	Vệ sinh bề mặt tủ điện	3 ngày/lần
		Kiểm tra tất cả các thiết bị gắn trên tủ điện	3 ngày/lần
		Thay thế thiết bị hỏng	Chỉ thay thế khi phát hiện sự cố trên tủ điện

ii) Các biện pháp ứng phó khi có sự cố

➤ **Sự cố về máy móc thiết bị**

Các sự cố máy móc thiết bị có thể xảy ra trong quá trình vận hành trạm XLNT được trình bày trong bảng sau:

Bảng 73. Tóm tắt các sự cố máy móc thiết bị có thể xảy ra

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
Tủ điện	Cháy, chập pha	Do chập mạch	Tắt khẩn khi xảy ra chập pha.
	Cháy thiết bị	Bơm, khuấy bị kẹt rác, mất pha.	Tắt thiết bị, đo điện, nếu bình thường, bật thiết bị trở lại và đo dòng hoạt động, điều chỉnh role nhiệt thích hợp.
			Nên chỉnh role nhiệt gần đúng giá trị

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
			thực tế vận hành để bảo vệ thiết bị.
Bơm chìm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước hoặc lên yếu.	Bơm ngược chiều	Đổi pha và kiểm tra dòng Ampe
		Nghẹt rác	Vệ sinh bơm
	Bơm không hoạt động	Cháy bơm, mất pha, CB tắt hoặc quá dòng.	Kiểm tra và sửa chữa, thay thế
	Nhảy role nhiệt và báo lỗi	Dòng định mức nhỏ hơn công suất bơm	Tăng giá trị trên role nhiệt
		Bơm ngược chiều	Đổi pha
		Nghẹt rác, đóng van hoặc đường ống hỏng	Kiểm tra các van đã mở chưa, vệ sinh bơm thường xuyên
	Không hoạt động	Cháy hoặc quá nhiệt	Kiểm tra và khắc phục
Máy thổi khí	Phát tiếng ồn lớn	Chạy ngược chiều	Đổi pha
		Khô dầu mỡ	Bổ sung dầu mỡ
		Hỏng bạc đạn	Thay bạc đạn
	Sục khí yếu	Ngược chiều	Đổi pha
		Hỏng van	Kiểm tra van và thay thế
	Không hoạt động	Máy hỏng	Thay thế hoặc sửa chữa
		Quá dòng	Kiểm tra toàn bộ máy và điều chỉnh role nhiệt nếu cần thiết.
Bơm hút, bơm rửa	Không hoạt động	Máy hỏng	Thay thế hoặc sửa chữa
		Quá dòng	Kiểm tra toàn bộ máy và điều chỉnh role nhiệt nếu cần thiết.
Phao điện	Đóng không mở đúng thực tế	Phao hỏng	Thay phao
Không hoạt động	Sự cố mất điện	Do bảo trì hệ thống điện lực khu vực.	Bổ trí 01 máy phát điện dự phòng đảm bảo khả năng chịu tải và vận hành của HTXL nước thải.

- Trong trường hợp bị mất điện, đơn vị vận hành trạm XLNT sẽ thuê máy phát điện dự phòng có công suất 30Kw để vận hành trạm XLNT.

g) Lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Chủ dự án sẽ thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án sẽ ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.3.1. Danh mục các công trình xử lý môi trường

Danh mục công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện khi thực hiện Dự án được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 74. Danh mục công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện

TT	Nội dung	Kế hoạch thực hiện, xây lắp
I	Giai đoạn san nền và thi công xây dựng	
1	Trang bị 03 nhà WC lưu động phục vụ công trường (Bể chứa nước tiểu, phân bùn 5 m ³)	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
2	Xây dựng 01 trạm rửa xe công trường tại 1 cổng ra vào chính của công trường (kèm theo hệ thống thoát nước và hố ga lắng đất cát)	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
3	Xây dựng kho chứa CTRTT trên công trường (diện tích 20m ² , nền xi măng, rãnh thu gom nước mưa xung quanh, tường bao bằng lưới B40, mái tôn)	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
4	Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại tạm trên công trường (diện tích	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Nội dung	Kế hoạch thực hiện, xây lắp
	12m ² , rãnh thu gom nước mưa xung quanh, tường bao bằng lưới B40, mái tôn)	tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
5	Xây dựng 01 bể lắng đất cát: 01 bể có dung tích 12m ³ để lắng nước thải từ hoạt động rửa xe và để lắng nước thải thi công	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
6	Đặt 3 thùng ben để thu gom phế thải xây dựng	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
II	Giai đoạn vận hành	
1	Xây dựng các bể 3 ngăn xử lý NTSH tại các công trình xây dựng và các bể tách dầu mỡ tại khu vực bếp	- Giai đoạn vận hành khi các hộ dân tự triển khai xây dựng sau khi đã đấu giá các lô đất và đi vào xây dựng để ở.
2	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027
3	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027
4	Trạm XLNT tập trung, công suất 450 m ³ /ng.đêm ; kèm theo hệ thống thu gom và xử lý mùi đồng bộ	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027
5	Trồng cây xanh	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027

3.3.2. Tóm tắt kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT

3.3.2.1. Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT

Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT khi thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 75. Kinh phí thực hiện các công trình bảo vệ môi trường (Tạm tính)

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Thành tiền
I	Giai đoạn thi công xây dựng Dự án (A)	đồng	160.000.000
1	Trang bị 03 nhà WC lưu động phục vụ công trường (Bể chứa nước tiểu, phân bùn 5 m ³)	đồng	80.000.000
2	Xây dựng 01 trạm rửa xe công trường tại cổng của công trường (kèm theo hệ thống thoát nước và hố ga lắng đất cát)	đồng	20.000.000
3	Xây dựng kho chứa CTRTT trên công trường	đồng	10.000.000
4	Xây dựng kho chứa tạm chất thải nguy hại trên công trường	đồng	10.000.000
5	Xây dựng 01 bể lắng đất cát để lắng nước thải từ hoạt động rửa xe và để lắng nước thải thi công	đồng	20.000.000
6	Đặt 3 thùng ben để thu gom phế thải xây dựng	đồng	10.000.000
II	Giai đoạn vận hành (B)		23.000.000.000
8	Xây dựng các bể 3 ngăn xử lý NTSH tại các công trình xây dựng và các bể tách dầu mỡ tại khu vực bếp	đồng	Các hộ gia đình tự xây dựng
9	Hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa	đồng	10.000.000.000
10	Hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải	đồng	10.000.000.000
11	Trạm XLNT tập trung; kèm theo hệ thống thu gom và xử lý mùi đồng bộ	đồng	2.000.000.000
12	Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại trong khu vực trạm XLNT	đồng	10.000.000.000
13	Trồng cây xanh	đồng	1.000.000.000
III	Tổng cộng (A) + (B)	đồng	23.160.000.000

Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT khi thực hiện dự án là 23.160.000.000 đồng, trong đó nhiều hạng mục thuộc chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật như: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải, trồng cây xanh,...

3.3.2.2. Kinh phí vận hành các công trình BVMT

Kinh phí vận hành các công trình BVMT tại Dự án được tính toán trong bảng sau:

Bảng 76. Kinh phí vận hành các công trình BVMT khi thực hiện dự án (Tạm tính)

TT	Công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Thành tiền
I	Giai đoạn thi công xây dựng	đồng/ tháng	35.000.000
1	Chi phí quản lý rác thải thông thường		5.000.000
2	Chi phí quản lý rác thải nguy hại		10.000.000
3	Chi phí quản lý môi trường khác		20.000.000
4	Kinh phí giám sát môi trường định kỳ	đồng/lần	30.000.000

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Thành tiền
II	Giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành (2 giai đoạn này có tính chất tương tự nhau)		60.000.000
5	Chi phí chăm sóc cây xanh	đồng/ tháng	5.000.000
6	Chi phí quản lý và vận hành trạm XLNT tập trung		20.000.000
7	Chi phí thuê xử lý rác thải thông thường		10.000.000
8	Chi phí thuê xử lý chất thải nguy hại		5.000.000
9	Các biện pháp khác		10.000.000

3.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

3.4.1. Mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo này, các kỹ thuật, công nghệ áp dụng, đánh giá môi trường được thể hiện như sau:

- Khi thực hiện Dự án từ giai đoạn thiết kế, công trình đã tiến hành khảo sát, thiết kế theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam và Quốc tế, đã đề ra các phương án thiết kế tối ưu, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu tối đa khối lượng đất đá phải đào đắp và thải ra ngoài môi trường; giảm thiểu thiệt hại tài sản của người dân. Số liệu khảo sát, thống kê về đất và các công trình bị ảnh hưởng đảm bảo độ tin cậy.

- Tài liệu thu thập được gồm:

+ Tài liệu về môi trường sinh thái, khí tượng, thủy văn, địa chất, địa hình, đất đai đã được các chuyên gia chuyên ngành thực hiện tại khu vực công trình, kết hợp với nhiều nguồn dữ liệu đã có để tổng hợp, phân tích và đánh giá.

+ Tài liệu về chất lượng môi trường không khí, nước và đất: Báo cáo ĐTM đã tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích các mẫu đất, nước và không khí theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Các số liệu được thực hiện tại các vị trí khác nhau, có tính đặc trưng cho công trình. Các số liệu này đã được sử dụng để đánh giá chất lượng môi trường nền và dự báo sự biến đổi chất lượng môi trường khi có công trình.

+ Các số liệu, kết quả tính toán, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị, thi công và vận hành của công trình được so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Các tác động được đánh giá khi thực thi dự án trong các giai đoạn chuẩn bị dự án, thi công và vận hành lần lượt được đánh giá các nguyên nhân gây tác động, nguyên nhân hình thành, tính chất ảnh hưởng, khả năng phát thải, ước tính định lượng,...

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- So sánh với hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành về môi trường không khí, nước, đất,...

Tuy nhiên, do các đánh giá dựa trên hồ sơ dự án đầu tư (giai đoạn thiết kế cơ sở) nên nhiều nội dung vẫn chưa được đầy đủ, chi tiết như: bố trí các hạng mục trong công trường, các vị trí tập kết tạm thời đất đá loại, phân chia gói thầu và tổ chức thi công chi tiết. Thông thường các nội dung này chỉ được chi tiết trong bước thiết kế kỹ thuật và bước bản vẽ thi công của Dự án. Do vậy, nhiều nội dung được đánh giá, dự báo dựa trên kinh nghiệm tham gia các nội dung về môi trường trong các bước của Dự án và các ý kiến, dự kiến của kỹ sư thiết kế đóng góp trong quá trình cộng tác nên mức độ đầy đủ, chi tiết còn chưa cao.

3.4.2. Mức độ tin cậy của các đánh giá

Độ tin cậy của báo cáo được đánh giá trên các dữ liệu, thông tin, số liệu... cung cấp và tính toán. Khả năng, mức độ tin cậy của đánh giá thể hiện:

- Tính hiện thực và phổ dụng: các ý kiến thu thập thực tế phỏng vấn, điều tra người dân tại khu vực dự án;

- Tính chính xác, đặc trưng, đồng bộ của số liệu: các số liệu về hiện trạng môi trường nền và thông tin về khu vực dự án;

- Tính trung thực và chính xác: Phương pháp lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm tuân thủ theo các quy định về lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu trong bộ tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

- Tính tin cậy: So sánh theo các thông số môi trường trong bộ tiêu chuẩn về môi trường quy định

- Tính hợp lệ: tuân thủ theo các quy định chung về ĐTM cho dự án theo c:

+ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 do Quốc hội ban hành;

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về “*Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*”;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về “*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường*”;

Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường*”;

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Các phương pháp sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo này nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của báo cáo là phản ánh được hiện trạng cũng như những tác động chính đến môi trường của dự án.

Phương pháp thống kê, liệt kê hay nghiên cứu, khảo sát thực địa đã mô tả được hiện trạng môi trường vùng dự án một cách định lượng. Hệ thống thông tin địa lý cho ta thấy được bức tranh hiện trạng cũng như những tác động tiềm ẩn trong vùng khi thực hiện dự án. Bằng phương pháp chuyên gia cũng cho ta thấy được những tác động tiềm ẩn không lượng hoá hay thống kê được qua kinh nghiệm của các dự án tương tự....

Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường của dự án ở từng giai đoạn dự án, dự án sẽ tiếp tục xác định cụ thể và chi tiết các tác động xấu, đồng thời sẽ vào áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp các tác động này.

Vậy: có thể đánh giá báo cáo ĐTM cho dự án là đầy đủ, đặc trưng, chính xác về số liệu, thông tin liên quan và phương pháp đánh giá. Do vậy, báo cáo có độ tin cậy cao và hợp lệ về mặt pháp lý. Đây là cơ sở để Chủ đầu tư, Cơ quan QLNN về BVMT thực thi dự án theo đúng các quy định về môi trường, giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường xung quanh và con người.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Chương IV:

**PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ thuộc loại hình dự án xây dựng công trình dân dụng, không phải dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. Do vậy, theo Mẫu số 04, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc *“Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường”*, dự án không phải thực hiện nội dung này.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

**CHƯƠNG V:
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Chương trình QLMT của KDC Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ sẽ được thực hiện theo bảng sau:

Bảng 77. Tóm tắt chương trình QLMT của dự án

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT, quản lý và ứng phó với sự cố rủi ro	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
I. GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG						
1	<u>Tác động đến môi trường không khí</u> - Hoạt động của máy móc thi công xây dựng - Các hoạt động thi công trên công trường xây dựng	- Suy giảm môi trường không khí do bụi, khí độc, tiếng ồn,... từ công trường xây dựng - Tác động đến sức khỏe cộng đồng, hoạt động kinh tế	- Thi công xây dựng theo đúng phương án thi công đã trình bày - Các phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải - Không chở hàng hóa, VLXD vượt tải trọng - Các phương tiện được làm sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường, - Không vận chuyển VLXD vào giờ cao điểm - Lựa chọn các thiết bị có mức ồn thấp - Không bố trí các trạm bảo dưỡng xe trong phạm vi công trường. - Không sử dụng còi hơi tại các khu vực dân cư và còi trong thời gian nghỉ.	Theo Bảng 75 và Bảng 76	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT, quản lý và ứng phó với sự cố rủi ro	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
			- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công - Xây dựng 01 trạm rửa xe ô tô tại các cổng (kèm theo hệ thống thoát nước tạm thời và hố ga tách bùn)			
2	<u>Tác động đến môi trường nước</u> - Hoạt động của máy móc thi công xây dựng, - Các hoạt động thi công trên công trường xây dựng	- Ô nhiễm môi trường nước từ hoạt động bảo dưỡng và chất thải rắn cuối trôi từ công trường - Sinh hoạt của công nhân	- Xây dựng hoàn trả tuyến mương thay thế trước khu triển khai thi công xây dựng. - Kiểm soát dòng nước chảy tràn trên công trường - Kiểm soát nước thải từ các bãi tập kết nguyên liệu, máy móc, kho xưởng, khu vực trộn bê tông - Xây dựng 03 cụm nhà vệ sinh lưu động có bể chứa nước tiểu + phân bùn có thể tích: 5 m³/nhà	Theo Bảng 75 và Bảng 76	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án
3	<u>Tác động đến môi trường do CTR</u> - Hoạt động của máy móc thi công, - Các hoạt động trên công trường xây dựng - Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng	- Phế thải xây dựng gây mất mỹ quan môi trường - Chất thải sinh hoạt gây ô nhiễm mùi, mỹ quan đô thị - Chất thải nguy hại tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực	- Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải - Đổ bỏ đất đá, phế thải xây dựng đúng nơi quy định - Các thùng chứa CTR sinh hoạt - Bố trí khu lưu giữ rác thải tại công trường. - Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ VSMT để xử lý CTR sinh hoạt và chất thải nguy hại.			
II. GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ VẬN HÀNH						

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT, quản lý và ứng phó với sự cố rủi ro	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
4	<u>Tác động đến môi trường không khí</u> Hoạt động của dự án	Suy giảm chất lượng môi trường không khí do khí thải giao thông, sinh hoạt, khí thải nhà bếp, máy phát điện dự phòng	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải bản kín, hồ ga có nắp	Theo Bảng 75 và Bảng 76	Chủ dự án	Chủ dự án
5	<u>Tác động đến môi trường nước</u> Hoạt động của dự án	Suy giảm chất lượng môi trường nước do nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn	- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải - Tổ chức nạo vét hồ ga thoát nước mưa, hồ ga của hệ thống thoát nước thải - Xây dựng các bể tự hoại - Xây dựng trạm XLNT tập trung, công suất 450 m ³ /ngày đêm	Theo Bảng 75 và Bảng 76	Chủ dự án	Chủ dự án
6	<u>Tác động đến môi trường do CTR</u> Hoạt động của dự án	- Suy giảm chất lượng môi trường không khí, nước mặt và nước dưới đất - Gây mất mỹ quan chung - Phát sinh các mầm bệnh	- Chủ dự án sẽ tổ chức thu gom rác thải phát sinh tại dự án. - Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao CTR phát sinh theo quy định.	Theo Bảng 75 và Bảng 76	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án
7	<u>Phòng ngừa và ứng cứu sự cố</u> Hoạt động của Dự án: cháy nổ, lũ lụt, hư hỏng hệ thống cấp nước, thoát nước,...	Khi xảy ra sự cố sẽ gây thiệt hại về người, vật chất	- Sự cố cháy nổ - Sự cố hệ thống cấp nước - Sự cố tắc nghẽn và tai nạn giao thông - Sự cố dịch bệnh - Sự cố hệ thống thu gom nước thải (vỡ ống, vỡ hồ ga,...) - Sự cố trạm XLNT tập trung - Sự cố hệ thống xử lý khí thải	Theo Bảng 75 và Bảng 76	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án

5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.2.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.2.1.1. Chương trình giám sát môi trường không khí và tiếng ồn

Thực hiện giám sát môi trường không khí và tiếng ồn trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được thực hiện khi có kiến nghị của dân cư xung quanh công trường.

5.2.1.2. Giám sát nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, nước thải thi công, nước thải từ hoạt động rửa xe đều được thu về hố thu, lắng đất cát, dầu mỡ trong nước thải và sau đó được tái sử dụng cho phun rửa xe, rửa sân đường, phun ẩm bề mặt công trường giảm thiểu bụi và không phát sinh nước thải → Không tổ chức giám sát.

- Công nhân không ăn ở tại công trường, trên công trường sẽ trang bị các nhà vệ sinh lưu động, nước thải, phân bùn từ các bể chứa được thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý nên cũng không phát sinh nước thải → Không tổ chức giám sát.

5.2.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên khi phát sinh.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận vận chuyển, xử lý chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2.1.3. Chương trình quan trắc, giám sát các thành phần môi trường khác trong giai đoạn thi công xây dựng

- Kiểm tra việc trồng và chăm sóc cây xanh

- Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

- Quan trắc hiện tượng trượt đất, xói lở và bồi lắng trên các tuyến thoát nước xung quanh khu vực thực hiện dự án.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

5.2.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

5.2.2.1. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm trạm XLNT

Theo quy định tại Luật BVMT ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 thì dự án phải tiến hành vận hành thử nghiệm đối với trạm XLNT tập trung, công suất: 450 m³/ng.đêm. Chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường được trình bày trong bảng sau:

Bảng 78. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống XLNT tập trung

TT	Nội dung	Thông số
1	Thời gian VHTN	Tối đa không quá 6 tháng kể từ khi dự án được cấp Giấy phép môi trường
2	Công suất trạm XLNT vận hành thử nghiệm	450 m ³ /ng.đêm.
3	Thông số lấy mẫu	Các chỉ tiêu quan trắc gồm: 1- Lưu lượng nước thải sau khi xử lý 2- pH 3- BOD ₅ 4- COD 5- Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) 6- Amoni (tính theo N) Tổng chất rắn hòa tan(20 ⁰ C) 7- Tổng nitơ 8- Tổng photpho 9- Tổng coliform 10- Sunfua (S ₂ ⁻) 11- Dầu mỡ động, thực vật 12- Chất hoạt động bề mặt anion
4	Giá trị giới hạn của các thông số	QCVN 14:2025/BTNMT, cột A, F<2.000 m ³ /ngày.đêm: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung
5	Tần suất lấy mẫu	Theo quy định Điểm c, Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ TNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: + 1 mẫu đơn nước thải trước khi xử lý + 1 mẫu đơn sau xử lý, trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

5.2.2.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT

Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT được trình bày trong bảng sau:

Bảng 79. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Nội dung	Thông số	Ghi chú
1	Thời gian vận hành thử nghiệm	Tối đa không quá 6 tháng	Kể từ khi cơ sở được cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT
2	Công suất hệ thống xử lý khí thải	600 m ³ /h	
3	Vị trí lấy mẫu	Khí thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường không khí	01 mẫu/lần
4	Thông số lấy mẫu	1) Lưu lượng khí thải, 2) H ₂ S 3) Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	
5	Giá trị giới hạn của các thông số	QCVN 19:2024/BTNMT	Hệ số áp dụng K _p = 1,0 K _v = 1,0
6	Tần suất lấy mẫu	3 mẫu đơn khí thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường không khí trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành hiệu quả công trình xử lý khí thải.	Theo quy định Điểm d, Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ TNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Bảo vệ môi trường.

5.2.3. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.3.1. Giám sát nước thải

Lưu lượng nước thải của dự án là 450 m³/ngày.đêm, xét theo khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP, công trình xử lý nước thải của dự án không thuộc

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc quan trắc nước thải định kỳ.

5.2.3.2. Giám sát khí thải

b) Giám sát khí thải

Lưu lượng xả khí thải của dự án là 450 m³/giờ, xét theo Điểm d Khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, công trình xử lý khí thải của dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục hoặc quan trắc khí thải định kỳ. Chủ dự án không đề xuất quan trắc định kỳ đối với công trình xử lý khí thải tại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5.2.3.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận vận chuyển, xử lý chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2.4. Trách nhiệm thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ

- Chương trình quan trắc, giám sát cần phải xây dựng kế hoạch và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước trước ngày 31/12 của năm trước.
- Trách nhiệm thực hiện công tác giám sát chất lượng môi trường định kỳ do cơ quan, tổ chức được giao quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật, trong đó có các công trình xử lý môi trường sau này theo quy định của pháp luật.
- Đơn vị được giao quản lý, vận hành sau này sẽ báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm trước ngày 31/01 của năm kế tiếp. Toàn bộ các kết quả giám sát sẽ được lưu giữ và gửi báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Chương VI:
KẾT QUẢ THAM VẤN**

6.1. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

Hoàn thiện sau khi có kết quả

6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Hoàn thiện sau khi có kết quả

6.3. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ làm Chủ đầu tư, không thuộc đối tượng phải thực hiện tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức chuyên môn.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. KẾT LUẬN

Báo cáo ĐTM của dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ nhìn chung đã nhận diện được tương đối đầy đủ các nguồn gây tác động đến môi trường và đã cố gắng dự báo chi tiết về tải lượng các nguồn thải trong quá trình thực hiện dự án cũng như nồng độ các chất thải để so sánh với các QCVN hiện hành.

Quy mô và mức độ tác động khi thực hiện dự án đến môi trường tự nhiên cũng như các yếu tố KT-XH ở mức độ lớn nếu như không thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật, quản lý, giám sát,... được trình bày trong báo cáo ĐTM này cũng như các yêu cầu khác của pháp luật.

Báo cáo ĐTM cũng đã trình bày khá đầy đủ và cụ thể các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường từ giai đoạn chuẩn bị dự án, giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành dự án cũng như các biện pháp giám sát trong quá trình vận hành để luôn đảm bảo rằng mọi hoạt động của Dự án đều không gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, các phát thải từ dự án đều nằm trong giới hạn cho phép và được kiểm soát chặt chẽ. Các biện pháp đưa ra trong báo cáo ĐTM là phù hợp về mặt tính toán lý thuyết cũng như thực tế. Chủ dự án hoàn toàn có đầy đủ năng lực về tài chính, con người,... để thực hiện tốt các biện pháp đã nêu.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường cũng đã được trình bày khá chi tiết và đầy đủ trong báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các rủi ro, sự cố môi trường là rất khó để dự báo, đặc biệt là các sự cố do thiên nhiên, nên Chủ dự án sẽ liên tục nghiên cứu, phối hợp với các nhà khoa học, chính quyền các cấp để hạn chế đến mức thấp nhất nếu xảy ra các sự cố và rủi ro môi trường.

2. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị các cơ quan chức năng, các cơ quan chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Chủ dự án trong quá trình thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo ĐTM này. Kịp thời thông báo cho Chủ dự án khi có văn bản, chính sách mới về môi trường.

Kiến nghị các cơ quan chức năng tạo mọi điều kiện cho Chủ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong báo cáo ĐTM này cũng như các quy định khác của pháp luật.

Công tác dự báo và đánh giá các tác động môi trường, các sự cố và rủi ro

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

môi trường đã được nghiên cứu và trình bày trong phạm vi báo cáo ĐTM xong vẫn còn có khả năng xảy ra các tình huống mà báo cáo ĐTM chưa có thể bao quát hết được. Vì vậy, kiến nghị các cơ quan chức năng, chính quyền cơ sở và cộng đồng dân cư phối hợp với Chủ dự án khi xảy ra các tình huống bên ngoài phạm vi báo cáo ĐTM này để nhanh chóng khắc phục các biện pháp BVMT.

3. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án “*Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ*” là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ cam kết:

- Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được cung cấp trong Báo cáo ĐTM của dự án có tính chính xác và hoàn toàn trung thực.
- Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác.
- Chất lượng không khí xung quanh tại khu vực thi công dự án nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT.
- Tiếng ồn, độ rung phát ra từ các thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển sẽ đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.
- Nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt trong quá trình hoạt động đạt QCVN 14:2025/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A, $F < 2.000 m^3/ngày.đêm$.
- Khí thải: Khí thải từ hoạt động xử lý nước thải đạt QCVN 05:2023/BTNMT, (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí).
- Chất thải rắn: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 02/2022/TTBTNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).
- Cam kết đầu tư xây dựng đầy đủ các công trình xử lý chất thải theo báo cáo ĐTM được duyệt, lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án trước khi vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường theo luật định, trình cơ quan có thẩm quyền để được cấp phép môi trường; sau đó vận hành các công

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ QUỲNH HỒNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

trình xử lý chất thải theo quy định, gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến các cơ quan chức năng.

- Chủ dự án chỉ tiến hành thực hiện bán, chuyển nhượng các lô đất cho các cá nhân, tổ chức để xây dựng sau khi hoàn thiện đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tiến hành bàn giao đầy đủ các hồ sơ, công trình xử lý môi trường cho đơn vị tiếp nhận theo quy định của pháp luật.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

Số: 32/NQ-HĐND

Quỳnh Phụ, ngày 17 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:
Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ
KHÓA XX, KỲ HỌP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định cơ chế hỗ trợ nguồn thu tiền sử dụng đất Ngân sách cấp tỉnh được hưởng cho các địa phương trong giai đoạn 2024-2025;

Xét Tờ trình số 244/TTr-UBND ngày 10/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ; Báo cáo thẩm tra số 33/BC-KTXH ngày 16/9/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu đầu tư

- Tạo dựng khu dân cư hiện đại, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch thị trấn Quỳnh Côi và vùng phụ cận, góp phần đưa Quỳnh Côi trở thành đô thị loại IV vào năm 2030.

- Đảm bảo khả năng phục vụ cho nhu cầu phát triển nhà ở của xã Quỳnh Hồng nói riêng và huyện Quỳnh Phụ nói chung.

- Tạo nguồn kinh phí cho các cấp ngân sách để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi xã hội của địa phương.

2. Phạm vi và quy mô đầu tư

2.1. Phạm vi đầu tư

Dự án có diện tích khoảng 10,05ha với ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Đông: Giáp đường ĐT.396B. *lưu*

- + Phía Nam: Giáp khu dân cư hiện có.
- + Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện có.
- + Phía Bắc: Giáp đường ĐT.396B.

2.2. Quy mô đầu tư:

Dự án được đầu tư với các hạng mục chính như sau:

- San lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong khu hạ tầng phù hợp quy hoạch được Sở Xây dựng thỏa thuận và Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt theo quy định hiện hành;
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, trạm biến áp, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, bãi đỗ xe, cây xanh, hệ thống ATGT... và các hạng mục công trình khác đảm bảo khớp nối hoàn chỉnh với khu vực xung quanh.

3. Nhóm dự án: Công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp III, dự án nhóm B.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Quỳnh Phụ.

5. Địa điểm đầu tư: Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ.

6. Tổng mức đầu tư dự kiến: 176.845.507.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm linh bảy ngàn đồng chẵn).

7. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách huyện (được đối trừ từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất của dự án) và các nguồn vốn hợp pháp khác

Giai đoạn 2021-2025 bố trí kinh phí là 30 tỷ, phần kinh phí còn lại bố trí vào các năm tiếp theo.

8. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 3 năm kể từ ngày khởi công.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

Sau khi dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư và bổ sung vào kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát, lập và trình thẩm định, phê duyệt Dự án.

Sau khi dự án được bố trí kế hoạch vốn: Tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng; triển khai thi công công trình và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ khoá XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 17 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. Huyện uỷ, TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành liên quan;
- HĐND, UBND các xã, TT của huyện;
- Lưu VT, TH, P.KTHT.



Nguyễn Văn Nhiễm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 733/QĐ-UBND

Quỳnh Phụ, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v bàn giao dự án đầu tư: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 ban hành quy định phân cấp, phân công quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/9/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Hồng;

Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy tại kỳ họp ngày 23/5/2025,

Căn cứ Công văn số 2964/UBND-NCKS ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện, cấp tỉnh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND huyện, thành phố quản lý về UBND xã, phường quản lý;



Theo đề nghị của phòng Tài chính Kế hoạch và phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuyển toàn bộ dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Hồng từ Huyện về Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ với các nội dung sau:

- Chuyển nguyên trạng các nội dung của dự án (tổng mức đầu tư, quy mô, kết cấu, ...) theo đúng Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/9/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Hồng.

- Chuyển cấp quyết định đầu tư từ Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ về Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ;

- Chuyển nhiệm vụ Chủ đầu tư từ Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ về Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ;

- Chuyển nhiệm vụ quản lý dự án từ Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ về Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ;

- Chuyển Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Hồng, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và các nội dung có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ;

Điều 2. Trách nhiệm của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ và Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ:

1. Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ: Bàn giao toàn bộ thủ tục, hồ sơ có liên quan của dự án trên cho UBND xã Quỳnh Phụ, cụ thể như sau:

- Các văn bản pháp lý của dự án;
- Các hồ sơ liên quan đến kỹ thuật, tình hình thực hiện dự án;
- Các hồ sơ về hợp đồng kinh tế;
- Các hồ sơ nghiệm thu khối lượng thực hiện, đối chiếu công nợ và thanh toán vốn đầu tư (nếu có) đến thời điểm bàn giao;
- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ có trách nhiệm tiếp nhận các hồ sơ, quản lý, triển khai thực hiện dự án được bàn giao theo đúng quy định của pháp luật

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng các phòng, ban: Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế, Hạ tầng và đô thị; Nông nghiệp và Tài nguyên Môi trường; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc TTPT Quỹ đất, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Handwritten signature*

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH, KTHTĐT. *Handwritten signature*



Trần Quang Thành



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỲNH PHỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1575/QĐ-UBND

Quỳnh Phụ, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỲNH PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch Đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 165/UBND-NC ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn áp dụng văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình sau 01/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Văn bản số 1388/SXD-QHKT&PTĐT ngày 30/9/2025 của Sở Xây dựng Hưng Yên về việc ý kiến đối với quy hoạch chi tiết 07 khu đất dân cư tại xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên;



Căn cứ Văn bản số 35/PKT-BCTĐ ngày 30/9/2025 của Phòng Kinh tế xã Quỳnh Phụ về việc thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên với những nội dung sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.

II. Phạm vi, ranh giới, diện tích và quy mô dân số:

1. Phạm vi khu vực lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên; ranh giới cụ thể:

- Phía Bắc : Giáp đường tỉnh ĐT.396B;
- Phía Nam : Giáp khu cthương mại dịch vụ và khu dân cư hiện có;
- Phía Đông : Giáp khu dân cư hiện có;
- Phía Tây : Giáp kênh thủy lợi.

2. Tổng diện tích lập quy hoạch là: 100.513,8m².

3. Quy mô dân số dự kiến: Khoảng 1.300 người ÷ 1.400 người.

III. Nội dung quy hoạch chi tiết:

1. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở		39.904,4	39,70				337
	Đất ở liền kề 1	LK-01	1.158,7		86,2	5	4,3	10
	Đất ở liền kề 2	LK-02	3.083,0		86,7	5	4,3	27
	Đất ở liền kề 3	LK-03	3.992,3		84,6	5	4,2	32
	Đất ở liền kề 4	LK-04	4.253,9		84,5	5	4,2	34
	Đất ở liền kề 5	LK-05	2.290,4		86,6	5	4,3	20

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ tối đa	Số lô
	Đất ở liền kề 6	LK-06	1.310,5		83,7	5	4,2	10
	Đất ở liền kề 7	LK-07	4.266,9		86,0	5	4,3	36
	Đất ở liền kề 8	LK-08	4.044,8		87,3	5	4,4	36
	Đất ở liền kề 9	LK-09	4.469,6		84,9	5	4,2	36
	Đất ở liền kề 10	LK-10	4.465,1		84,9	5	4,2	36
	Đất ở liền kề 11	LK-11	3.686,0		87,5	5	4,4	33
	Đất ở liền kề 12	LK-12	2.883,2		89,1	5	4,5	27
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	8.522,2	8,48				
	Nhà văn hóa	NVH	300,0					
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	8.222,2					
3	Đất giao thông	GT	45.681,7	45,45				
4	Đất bãi đỗ xe	BĐX	2.681,5	2,67				
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		3.027,2	3,01				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	450,0					
	Đất khe hạ tầng	KHT	2.577,2					
6	Đất Nghĩa địa	NĐ	696,8	0,69				
	TỔNG		100.513,8	100,0				

- Các chỉ tiêu sử dụng đất chi tiết tại hồ sơ Thuyết minh và Đồ án quy hoạch kèm theo.

2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch san nền (theo hệ cao độ chuẩn quốc gia):

- Cao độ giao thông quy hoạch toàn khu: +2.3m ÷ +3.1m.

b. Quy hoạch giao thông tại khu vực:

- Đường tỉnh ĐT.396B phía Bắc khu đất có bề rộng 42m, bao gồm lòng đường rộng 12,0m, vỉa hè và lưu không mỗi bên rộng 15,0m ($15,0\text{m} + 12,0\text{m} + 15,0\text{m}$).

- Đường gom bố trí song song với tuyến đường tỉnh ĐT.396B và nằm ngoài hành lang tuyến đường tỉnh ĐT.396B, bao gồm: Lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè phía lưu không đường tỉnh ĐT.396B rộng 1,0m, vỉa hè phía đất ở mới rộng khoảng 5,0m ($1,0\text{m} + 10,5\text{m} + 5,0\text{m}$).

- Đường quy hoạch số 1, số 4, số 8 có bề rộng 20,5m, bao gồm lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5,0m, mặt cắt ($5,0\text{m} + 10,5\text{m} + 5,0\text{m}$).

- Đường quy hoạch số 2, số 3, số 5, số 6, số 9 có bề rộng 15,5m, bao gồm lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,0m, mặt cắt ($4,0\text{m} + 7,5\text{m} + 4,0\text{m}$).

- Đường quy hoạch số 7 có bề rộng 13,5m, bao gồm lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè phía đất ở mới rộng 4,0m, vỉa hè phía còn lại rộng 2,0m, mặt cắt ($4,0\text{m} + 7,5\text{m} + 2,0\text{m}$).

- Trong khu vực nghiên cứu quy hoạch bố trí các bãi đỗ xe tập trung, phân bố trong toàn khu, trong khuôn viên nhà ở riêng lẻ.

* Toàn bộ hệ thống giao thông trong khu dân cư được đầu nối với tuyến đường tỉnh ĐT.396B thông qua đường gom và đường quy hoạch số 1 (tuân thủ đồ án quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng đã được phê duyệt)

c. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước sạch dự kiến cung cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ đường ống cấp nước hiện có chạy dọc trục đường tỉnh ĐT.396B.

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới cấp nước cho khu quy hoạch là mạng vòng kết hợp mạng nhánh. Các đường ống cấp nước phân phối được thiết kế mạng vòng có đường kính 110 mm. Đường ống cấp nước dịch vụ được thiết kế mạng nhánh cụt có đường kính 50 mm cấp nước đến từng công trình.

- Hệ thống cấp nước cứu hoả: Nước cứu hỏa lấy từ mạng vòng đường kính 110 mm thông qua các trụ cứu hoả dọc đường. Áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hoả là 10m cột nước.

d. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho các TBA của khu quy hoạch được lấy từ tuyến đường dây 10kV hiện có chạy dọc kênh ở phía Tây của khu vực quy hoạch.

- Xây dựng mới trạm biến áp cấp điện chiếu sáng và sinh hoạt cho khu dân cư. Sử dụng trạm hợp bộ (KIOS) hoặc trạm trụ một cột.

- Mạng lưới điện hạ áp 0,4KV cấp điện sinh hoạt của khu dân cư lấy từ trạm biến áp. Lưới điện chiếu sáng được thiết kế theo Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị. Mạng lưới cấp điện chiếu sáng sử dụng hệ thống điện riêng đi ngầm, đèn chiếu sáng bố trí dọc theo các tuyến đường quy hoạch.

e. Quy hoạch thông tin liên lạc:

Cáp thông tin được ngầm hóa và đặt trong các ống kỹ thuật, từ đó cung cấp hệ thống thông tin liên lạc cho từng công trình.

f. Quy hoạch thoát nước:

- Thoát nước mưa:

+ Hướng thoát: Nước mưa trong khu vực quy hoạch được thu gom vào hệ thống cống thoát nước chạy theo các tuyến giao thông sau đó thoát ra kênh mương ở phía Tây của khu vực quy hoạch.

+ Thiết kế mạng lưới thoát nước mưa dạng phân tán để giảm kích thước cống.

- Thoát nước thải:

+ Mạng lưới thoát nước thải: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng.

+ Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên thiết kế đường ống thoát nước theo nguyên tắc tự chảy, tạo nên mạng lưới thống nhất. Nước thải sau khi xử lý cục bộ tại công trình (bằng bể tự hoại) được thoát vào hệ thống thoát nước thải riêng dẫn về trạm xử lý tập trung của khu vực quy hoạch. Nước thải sau khi được xử lý tập trung tại trạm xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định.

g. Quy hoạch xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn được tập kết tại các thùng rác công cộng, sau đó được thu gom trong ngày, đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung.

(Nội dung chi tiết thể hiện trong hồ sơ bản vẽ quy hoạch kèm theo)

IV. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên kèm theo.

Điều 2. Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, bản vẽ theo nội dung được phê duyệt để làm cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch, lưu trữ hồ sơ và thực hiện công bố công khai quy hoạch để nhân dân biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phú và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Lưu: VT, PKT. (1)

(Hòm thư/QĐ-TĐ.25)

Avi

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Vũ Xuân Hùng

Số: 10/CT-TTĐN

Minh Thọ, ngày 01 tháng 10 năm 2025

V.v: Chấp thuận điểm đầu nối và cung
cấp nước sạch sinh hoạt

Kính gửi: Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Thanh Sơn tại Thái Bình nhận được Văn bản số 51/CV-BQLDA ngày 29/9/2025 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ về việc "Thỏa thuận vị trí đầu nối cấp nước vào hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC cho dự án Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ."

Căn cứ thực tế hiện trạng hệ thống cấp nước và năng lực cấp nước hiện có, Chi nhánh Công ty TNHH MTV KD nước sạch Thanh Sơn tại Thái Bình có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho đầu nối cấp nước cho dự án: Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ vào hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước hiện có của Công ty.

2. Vị trí đầu nối: 02 điểm

- Tại đường ống DN315, vị trí km 15+950 và km 16+200 trên đường tỉnh ĐT.396B (đường 217) phía bên phải tuyến.

Công ty cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo các nội dung sau:

+ Lưu lượng cấp nước tại các vị trí trụ cứu hỏa tối thiểu là 15 l/s;

+ Cột áp tại các vị trí trụ cứu hỏa tối thiểu là 10 m.c.n;

+ Thời gian cấp nước liên tục 24/24h (trừ trường hợp bất khả kháng)

+ Bể nước dự trữ cho chữa cháy đặt trong nhà máy có thể tích trên 108m³, thời gian phục hồi nước không quá 24h.

4. Yêu cầu khi thiết kế: Tách riêng Mạng đường ống cấp nước cứu hỏa và mạng đường ống cấp nước sinh hoạt ra thành 2 hệ thống khác nhau (không đầu nối mạng đường ống cấp nước sinh hoạt vào mạng đường ống cấp nước cứu hỏa).

5. Yêu cầu khi đầu nối: Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý kỹ thuật và tổ chức thử áp lực tuyến ống cấp nước trong dự án: Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ.

Kính đề nghị các cấp liên quan xem xét tạo điều kiện cho Dự án hoàn thành theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu KHKT.



**CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN
ĐỘI QLĐLKV QUỲNH PHỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/ĐQLQP-TB

Quỳnh Phụ, ngày 02 tháng 10 năm 2025

V/v: Chấp thuận cung cấp điểm đấu nối điện
công trình thuộc dự án: Xây dựng hạ tầng
khu dân cư Quỳnh Hồng, xã Quỳnh Phụ,
tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ

Đội QLĐLKV Quỳnh Phụ nhận được công văn số: 52/CV-BQLĐA của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ ngày 29 tháng 9 năm 2025 về việc cung cấp điểm đấu nối điện thuộc dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.

Qua kiểm tra, khảo sát thực tế tại hiện trường, Đội QLĐLKV Quỳnh Phụ chấp thuận cung cấp điểm đấu nối điện thuộc dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên tại cột 53 đường dây 22kV lộ 475 E11.19.

Đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên phải có phương án thiết kế kỹ thuật thi công và chuyển hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công công trình về Đội QLĐLKV Quỳnh Phụ để xem xét, thỏa thuận đấu nối, thiết kế công trình trước khi thi công. Đảm bảo tuân thủ theo Luật điện lực, quy trình, quy phạm trang bị điện hiện hành, nghị định 62/2025/ND-CP của Chính phủ ngày 04 tháng 3 năm 2025 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch chung về lưới điện của khu vực.

Ngoài ra để đảm bảo chất lượng công trình khuyến nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ sử dụng các dịch vụ do ngành Điện cung cấp bao gồm: Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nghiệm thu, thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện, thuê quản lý vận hành.....

Đội QLĐLKV Quỳnh Phụ trân trọng thông báo./. 

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT, P.KH-KT.

KT. O.ĐỘI TRƯỞNG
ĐỘI PHÓ

Nguyễn Mạnh Cường

UBND TỈNH HUNG YÊN
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL
BẮC THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 431 /CTKTCTTLB-QLN

Đông Hưng, ngày 6 tháng 10 năm 2025.

Về việc tham gia ý kiến việc đầu nối hệ thống thoát nước mặt Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ.

Kính gửi: - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ.

Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Thái Bình nhận được Tờ trình số 64/TTr-BQLDA ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ về việc xin đầu nối hệ thống thoát nước mặt Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ vào kênh Hải Vân Lương.

Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Bình kênh Hải Vân Lương là kênh cấp 2 do Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Thái Bình quản lý và khai thác.

Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra hiện trạng về vị trí các điểm đầu nối thoát nước mặt của Dự án "xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ" vào kênh Hải Vân Lương do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ là chủ đầu tư dự án. Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Thái Bình có ý kiến như sau:

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Thái Bình nhất trí với phương án đầu nối các điểm thoát nước mặt của Dự án "xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ" vào kênh Hải Vân Lương, cụ thể:

+ Điểm đầu nối thoát nước mặt tại 04 cửa xả:

Cửa xả 01 có tọa độ: $X(m) = 586349.1862$, $Y(m) = 2285975.9962$

Cửa xả 02 có tọa độ: $X(m) = 586314.3102$, $Y(m) = 2285902.8826$

Cửa xả 03 có tọa độ: $X(m) = 586301.3408$, $Y(m) = 2285875.6938$

Cửa xả 04 có tọa độ: $X(m) = 586255.3203$, $Y(m) = 2285779.2168$

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

Để đảm bảo công tác tưới tiêu và phục vụ sản xuất được thông suốt và tính đồng bộ của Dự án cũng như việc tác động môi trường do các hoạt động của dự án gây ra. Trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường đề nghị chủ dự án lấy ý kiến tham vấn của các đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư trong đánh giá tác động môi trường theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình gửi Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Xí nghiệp KTCTTL Quỳnh Phụ;
- Lưu VT, QLN&CT.



Bùi Xuân Khả

Số: 08/PA-BQLDA

Quỳnh Phụ, ngày 06 tháng 10 năm 2025

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

1. Tên tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ.

- Địa chỉ: Số 86 đường Nguyễn Quang Cáp, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.

2. Mục đích của việc chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa:

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa để thực hiện Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ.

3. Diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi: khoảng 7,83 ha.

- Tổng diện tích đất thu hồi khoảng 100.513 m², trong đó: diện tích đất chuyên trồng lúa nước thuộc dự án là (LUC) là 78.302,2 m². Diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bóc tách là 71.475,4 m² (diện tích đất chuyên trồng lúa nước thuộc dự án 78.302,2 m² trừ phần diện tích đất lúa không bóc tách thuộc phạm vi đất cây xanh 6.826,8 m²).

- Địa điểm sử dụng: thôn An Phú 1, An Phú 2, La Vân 1, Lương Cự Bắc, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.

4. Khối lượng đất mặt phải bóc tách: (diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách (m²) x độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách (m)): (71.475,4 m² x 0,2 m = 14.295,08 m³).

- Sử dụng máy ủi (máy xúc) nạo một lớp đất mặt đảm bảo độ sâu khoảng 20cm, khối lượng lớp đất này được vận chuyển ra khu vực trồng cây xanh của dự án.

5. Phương án sử dụng đất mặt:

a. Sử dụng trong khuôn viên dự án: 14.295,08 m³, cụ thể như sau:

+ 12.333 m³ để san tạo mặt bằng hiện trạng lên cao độ thiết kế với độ chênh cao trung bình 1,5 m tại các khu vực diện tích đất cây xanh công cộng là 8.222,2 m²;

Địa điểm sử dụng: thôn An Phú 1, An Phú 2, La Vân 1, Lương Cự Bắc, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.

+ 1.962 m³ tận dụng cho phần diện tích đắp vào ô đất trồng cây xanh vỉa hè, dự kiến khoảng 500 ô trồng cây.

b. Sử dụng ngoài khuôn viên dự án: khoảng 0 m³.

(Có bản vẽ tổng thể trích lục khu vực dự án gửi kèm)

6. Mục đích sử dụng tầng đất mặt: tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa để tôn cao nền ruộng trũng thấp trên diện tích đất cây xanh công cộng và tận dụng cho phần diện tích đắp vào ô đất trồng cây xanh vỉa hè.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ cam kết thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên./.

Nơi nhận:

- UBND xã Quỳnh Phụ;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: BQLDA, NQV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quang Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1723/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng,
huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 10/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 248/BC-SXD ngày 14/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Tên đồ án

Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035.

II. Phạm vi và giai đoạn lập quy hoạch

1. Phạm vi lập quy hoạch: Gồm địa giới hành chính thị trấn Quỳnh Côi hiện tại và toàn bộ địa giới hành chính 04 xã: Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giao; đồng thời nghiên cứu mối liên hệ với vùng phụ cận. Diện tích lập quy hoạch: 2.476,0 ha. Ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc: Giáp sông Luộc, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ và tỉnh Hải Dương;
- Phía Nam: Giáp các xã Quỳnh Trang, Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ;
- Phía Đông: Giáp các xã Quỳnh Hội, Quỳnh Minh, Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ;
- Phía Tây: Giáp các xã Quỳnh Bảo, Quỳnh Mỹ, Châu Sơn, Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ.

2. Giai đoạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2025, năm 2030; dài hạn đến năm 2035.

III. Tính chất, mục tiêu quy hoạch

1. Tính chất

- Là vùng kinh tế động lực và đô thị tiểu vùng phía Bắc tỉnh Thái Bình; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục và đô thị cấp vùng.
- Là trung tâm sản xuất công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao, đầu mối giao thông kết nối với tỉnh Hải Dương.
- Là khu vực có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2040.
- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, phát triển của đô thị, bảo vệ môi trường và phát triển đô thị bền vững.
- Quy hoạch nhằm tạo lập kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ và khu vực phía Bắc tỉnh Thái Bình.
- Là cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quản lý xây dựng theo quy hoạch, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ và khu vực phía Bắc tỉnh Thái Bình.

IV. Quy mô dân số

Dân số đến năm 2035: Khoảng 55.631 người.

V. Nội dung quy hoạch

1. Cơ sở hình thành phát triển của đô thị

Nằm trong hành lang kinh tế phía Bắc theo Quy hoạch tỉnh, cửa ngõ của

tỉnh kết nối với tỉnh Hải Dương, có cơ hội đón làn sóng đầu tư từ nhà đầu tư khu vực Hải Dương và lân cận. Hệ thống giao thông đối ngoại kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế của vùng, của tỉnh: Đường tỉnh ĐT.396B chạy dọc theo trục Bắc - Nam của đô thị, qua trung tâm đô thị, kết nối lên phía Bắc qua cầu Hiệp với tỉnh Hải Dương, đường trục Bắc Nam, ra cao tốc 5B Hà Nội - Hải Phòng; kết nối xuống phía Nam ra đường Thái Hà, các tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, đường QL.10, thành phố Hải Phòng, thành phố Thái Bình; đường tỉnh ĐT.455 chạy theo trục Đông - Tây của đô thị, qua trung tâm đô thị, kết nối chính với đô thị An Bài; đường tỉnh ĐT.452 kết nối với trung tâm đô thị vùng huyện Hưng Hà; đường vành đai 5 thủ đô chạy qua đô thị biến đô thị Quỳnh Côi thành đô thị vệ tinh trực tiếp của vùng thủ đô Hà Nội.

Có yếu tố thu hút tập trung dân cư đô thị từ nhu cầu của lao động các trung tâm sản xuất lớn của vùng: Khu công nghiệp Dược - Sinh học và hàng loạt các cụm công nghiệp nằm ở vùng ven đô thị: Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng, Quỳnh Côi, Quỳnh Trang.

Các khu vực thị trấn Quỳnh Côi hiện hữu, trung tâm các xã và dọc các trục đường tỉnh ĐT.455, đường tỉnh ĐT.396B, đường huyện huyện DH.75 có mức độ đô thị hóa cao, cơ cấu kinh tế chủ đạo là sản xuất phi nông nghiệp và thương mại dịch vụ, có khả năng phát triển trở thành các không gian, trục trung tâm của đô thị.

2. Mô hình phát triển đô thị

Định hướng mô hình phát triển là đô thị đơn tâm và 03 cực chủ đạo Bắc - Nam - Đông phát triển theo hệ thống giao thông; bao gồm:

- Trung tâm đô thị: Khu vực thị trấn Quỳnh Côi hiện hữu và trung tâm mới tại khu vực giao giữa đường tỉnh ĐT.396B với đường đôi trục chính đô thị.

- Cực phát triển đô thị phía Bắc: Khu vực xã Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng với đường tỉnh ĐT.396B và yếu tố tạo thị từ trung tâm sản xuất công nghiệp Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng là chủ đạo.

- Cực phát triển đô thị phía Nam: Khu vực Nam xã Quỳnh Hưng với đường tỉnh ĐT.396B và yếu tố tạo thị từ phục vụ nhu cầu ở, thương mại dịch vụ của dân cư hiện có, của trung tâm sản xuất Khu công nghiệp Dược - Sinh học là chủ đạo.

- Cực phát triển đô thị phía Đông: Khu vực phía Đông xã Quỳnh Hải với đường tỉnh ĐT.455 và hệ thống các đường đô thị quy hoạch mới, lấy định hướng kết nối với đô thị An Bài là chủ đạo.

3. Định hướng tổ chức không gian đô thị và phân khu chức năng

- Khu vực trung tâm đô thị: Trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ gắn liền hệ thống nhóm nhà ở phát triển mới và các chức năng dịch vụ - công cộng cấp vùng, cấp đô thị.

- Khu vực phát triển đô thị phía Bắc: Định hướng chủ đạo của khu vực

phía Bắc là phát triển sản xuất công nghiệp gắn liền thương mại dịch vụ; phát triển một số nhóm nhà ở kết hợp với chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; bổ sung hệ thống công trình dịch vụ - công cộng còn thiếu.

- Khu vực phát triển đô thị phía Nam: Định hướng chủ đạo của khu vực phía Nam là phát triển thương mại dịch vụ phục vụ nhu cầu dân cư hiện hữu, Khu công nghiệp Dược - sinh học; chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; bổ sung hệ thống công trình dịch vụ - công cộng còn thiếu.

- Khu vực phát triển đô thị phía Đông: Định hướng chủ đạo của không gian phía Đông đô thị là phát triển các nhóm nhà ở và dịch vụ, hình thành không gian có vai trò kết nối trung tâm đô thị Quỳnh Côi với không gian các xã lân cận Quỳnh Hội, An Ấp, An Quý và đô thị An Bài mở rộng; phát triển không gian đô thị mới gắn liền với định hướng chỉnh trang khu dân cư hiện hữu lân cận theo tiêu chí kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Các khu vực không gian còn lại của đô thị, nằm ở ngoại vi khu vực đất xây dựng đô thị ưu tiên cho duy trì sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; phát triển, chỉnh trang dân cư, từng bước hiện đại hóa điểm dân cư nông thôn.

4. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH (I+II+III)	2.476,0	100,0
I	KHU ĐẤT DÂN DỤNG:	445,04	17,98
1	Nhóm nhà ở (bao gồm làng xóm đô thị hóa)	186,05	
2	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	109,3	
3	Giáo dục (Trường THCS, Tiểu học, Mầm non)	12,16	
4	Dịch vụ - công cộng khác (y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, ...)	28,66	
5	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	3,97	
6	Cây xanh sử dụng công cộng	27,86	
7	Giao thông đô thị	67,71	
8	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	9,33	
II	KHU ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG:	702,78	28,38
1	Sản xuất công nghiệp, kho tàng	172,73	
2	Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	29,35	
3	Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	12,37	
4	Dịch vụ, du lịch	161,4	
5	Trung tâm y tế, mạng lưới cơ sở y tế	6,35	
6	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	10,3	
7	Chợ cấp vùng	3,49	
8	Cây xanh sử dụng hạn chế	31,3	
9	Cây xanh chuyên dụng	11,01	

10	Di tích, tôn giáo	14,2	
11	An ninh	5,4	
12	Quốc phòng	3,4	
13	Giao thông đối ngoại	138,91	
14	Hạ tầng kỹ thuật khác:	7,06	
15	Làng xóm hiện hữu (không đô thị hóa)	72,2	
16	Đất nghĩa trang (hiện hữu, đóng cửa)	23,31	
III	KHU NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC:	1.328,18	53,57
1	Sản xuất nông nghiệp	1.020,11	
2	Lâm nghiệp	0,0	
3	Nuôi trồng thủy sản	125,65	
4	Chưa sử dụng (đất bằng và đồi núi chưa sử dụng)	4,26	
5	Hồ, ao, đầm	4,93	
6	Đất thủy lợi	157,13	
7	Sông, suối, kênh, rạch	16,10	
8	Mặt nước ven biển	0,0	

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị

a. Quy hoạch giao thông đô thị

- Công trình đầu mối: Quy hoạch 01 bến xe, diện tích 1,37 ha tại khu vực Quỳnh Hưng, giáp đường tỉnh ĐT.396B.

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường vành đai V thủ đô (cao tốc CT.39), lộ giới 90,0 m.

+ Đường tỉnh ĐT.396B, lộ giới 42,0 m.

+ Đường tỉnh ĐT.455 tuyến mới, lộ giới 42,0 m.

+ Đường tỉnh ĐT.455 tuyến hiện trạng: Đoạn ngoài khu dân cư tập trung, lộ giới 42,0 m; đoạn qua khu dân cư tập trung, lộ giới 19,0 m.

+ Đường tỉnh ĐT.452 hiện trạng, lộ giới 26,0 m.

+ Đường huyện DH.74, DH.76: Lộ giới 29,0 m.

+ Đường huyện DH.75: Đoạn qua khu dân cư tập trung phía trung tâm đô thị, lộ giới 19,0 m. Đoạn còn lại, lộ giới 29,0 m.

+ Đường huyện DH.75A, lộ giới 19,0m.

+ Đường huyện DH.77, lộ giới 26,0 m.

+ Đường huyện DH.79, lộ giới 26,0m.

- Giao thông nội bộ:

+ Đường quy hoạch (mặt cắt 1-1), lộ giới 45,0 m.

+ Đường quy hoạch (mặt cắt 2-2), lộ giới 32,0 m.

+ Đường quy hoạch (mặt cắt 3-3), lộ giới 52,8 m.

+ Đường quy hoạch (mặt cắt 4-4), lộ giới 27,0 m.



- + Đường quy hoạch (mặt cắt 5-5), lộ giới 24,0 m.
- + Đường quy hoạch (mặt cắt 6-6), lộ giới 20,5 m.
- + Đường quy hoạch (mặt cắt 7-7), lộ giới 16,0 m.
- + Đường quy hoạch (mặt cắt 8-8), lộ giới 26,0 m.
- Giao thông tĩnh: Quy hoạch các bãi đỗ xe phân bố đều trên toàn đô thị, tổng diện tích 19,47 ha.

b. Cao độ nền và thoát nước mặt đô thị

- Khu vực thị trấn Quỳnh Côi cũ và xã Quỳnh Hải: Cao độ nền không chế $H_{xd} \geq +2,10$ m. Các khu vực còn lại bao gồm khu vực xã Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hưng: Cao độ nền không chế $H_{xd} \geq +2,00$ m.

- Thoát nước mặt phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực, đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các kênh có vai trò tiêu thoát nước. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các kênh Giao Vân Lương, kênh Hải Vân, kênh Quỳnh Hải, kênh Tài Giá, kênh Cầu Sa, sau đó chảy vào các kênh Sành, kênh Yên Lộng. Chia khu vực quy hoạch thành 05 lưu vực thoát nước mặt:

+ Lưu vực 1: Phần diện tích phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch, phía Đông đường cao tốc CT.39 thuộc địa giới hành chính xã Quỳnh Giao, diện tích khoảng 369 ha. Nước mưa theo hệ thống cống thoát nước mưa dọc đường, sau đó thoát vào các kênh Giao Vân Hoa, kênh Sành và kênh Yên Lộng.

+ Lưu vực 2: Phần diện tích phía Đông Bắc khu vực quy hoạch, phía Bắc đường tỉnh ĐT.455 thuộc địa giới hành chính xã Quỳnh Hồng, Quỳnh Hải, một phần Quỳnh Giao, diện tích khoảng 831 ha. Nước mưa theo hệ thống cống thoát nước mưa dọc đường, sau đó thoát vào kênh An Phú, kênh Hải Vân Lương và kênh Sành.

+ Lưu vực 3: Phần diện tích phía Tây khu vực lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Quỳnh Hồng và thị trấn Quỳnh Côi cũ, diện tích khoảng 366 ha. Nước mưa theo hệ thống cống thoát nước mưa dọc đường, sau đó thoát vào các kênh Hải Vân Lương, kênh Yên Lộng.

+ Lưu vực 4: Phần diện tích trung tâm của thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, phía Nam đường tỉnh ĐT.455 thuộc địa giới hành chính thị trấn Quỳnh Côi cũ, xã Quỳnh Hải và một phần diện tích phía Bắc xã Quỳnh Hưng, diện tích khoảng 442 ha. Nước mưa theo hệ thống cống thoát nước mưa dọc đường, sau đó thoát vào các kênh Hải Vân Lương, kênh Yên Lộng.

+ Lưu vực 5: Phần diện tích Nam khu vực lập quy hoạch, thuộc địa giới hành chính xã Quỳnh Hưng, diện tích khoảng 465 ha. Nước mưa theo hệ thống cống thoát nước mưa dọc đường sau đó thoát vào các kênh Tài Giá Cầu Xá, kênh Cầu Sa, kênh Nam Đàn, sau đó thoát vào kênh Yên Lộng.

c. Quy hoạch cấp nước đô thị

- Nhu cầu dự kiến của đô thị: $16.700 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nguồn nước: Từ nguồn nước mặt sông Luộc.

- Vị trí công trình cấp nước: Nhà máy nước Quỳnh Giao, công suất quy hoạch $40.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (đảm bảo cấp nước cho khu vực thuộc đô thị Quỳnh Côi mở rộng và các xã nông thôn lân cận); Nhà máy nước thị trấn Quỳnh Côi, công suất quy hoạch $14.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Mạng lưới truyền tải và phân phối: Trên cơ sở mạng lưới cấp nước hiện có, bổ sung và điều chỉnh để đảm bảo nhu cầu cấp nước của đô thị. Thiết kế dạng mạng vòng với các tuyến ống cấp I và II. Mạng lưới cấp nước chứa cháy được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt, họng cứu hỏa sẽ được đặt trên hệ thống đường ống cấp nước chính có đường kính $\geq 100 \text{ mm}$, gần các nút giao thông, khoảng cách giữa các họng cứu hỏa không quá 150 m .

d. Quy hoạch thoát nước thải đô thị

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng $11.336 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Bố trí 04 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung theo 04 lưu vực thoát nước thải, tổng công suất 04 trạm xử lý khoảng $8.470 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- 03 trạm xử lý nước thải công nghiệp cho 03 cụm công nghiệp, tổng công suất xử lý khoảng $3.900 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Mạng lưới tuyến ống thoát: Các đường ống dẫn nước thải bố trí theo nguyên tắc tự chảy, kết hợp với trạm bơm cưỡng bức tại các vị trí cần thiết. Đường kính ống thoát nước thải tối thiểu 300 mm .

Đ. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

- Cấp điện: Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực quy hoạch đến 2035 là $65,3 \text{ MW}$. Nguồn điện cấp cho khu vực lập quy hoạch lấy từ trạm biến áp 110 kV Quỳnh Phụ công suất $2 \times 63 \text{ MVA}$ hiện có; bổ sung nguồn cấp điện từ trạm biến áp 110 kV Quỳnh Côi, công suất $2 \times 40 \text{ MVA}$. Điện từ nguồn cấp qua các lộ trung thế, cấp cho các máy biến áp khu vực. Trong khu vực trung tâm đô thị và khu vực xây dựng mới, hệ thống đường dây hạ thế phải quy hoạch đi ngầm; hệ thống đường dây hạ thế hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm.

- Giải pháp tổng thể chiếu sáng đô thị: Chiếu sáng giao thông đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, đảm bảo các hoạt động kinh tế xã hội diễn ra bình thường về ban đêm. Đến năm 2035, 100% tuyến đường chính khu vực được chiếu sáng phù hợp. Sử dụng biện pháp tiết kiệm năng lượng nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu giao thông đô thị như phương pháp tiết giảm quang thông giờ thấp điểm, sử dụng kiểu chiếu sáng hẹp, bán rộng để tập trung độ rọi và giảm ô nhiễm ánh sáng.

e. Hệ thống thông tin liên lạc

Phát triển hệ thống công trình hạ tầng viễn thông trên cơ sở hệ thống nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cống, bể, hầm, hố cáp, mạng cáp chính hiện hữu trong

khu vực quy hoạch. Các nhu cầu cần thiết khác về hạ tầng viễn thông được bố trí lại các lô đất hạ tầng kỹ thuật đô thị. Hệ thống mạng cáp được ngầm hóa. Cống, bể, hầm, hồ cáp ngầm đảm bảo sử dụng chung hạ tầng. Có ít nhất 02 lộ cáp từ ngoài vào khu đô thị và đến tủ phân phối cáp thông tin (viễn thông và truyền hình).

g. Xử lý chất thải rắn

Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh của khu vực lập quy hoạch khoảng 96 tấn/ngày. Trong phạm vi khu vực quy hoạch bố trí 06 trạm trung chuyển cố định quy mô cỡ nhỏ, diện tích khoảng 700 m²/trạm. Chất thải rắn sau khi tập kết tại trạm trung chuyển, được chuyển về xử lý tại khu xử lý chất thải rắn toàn vùng huyện Quỳnh Phụ.

h. Quy hoạch nghĩa trang

Quy hoạch nghĩa trang tập trung đô thị tại khu vực xã Quỳnh Hưng, diện tích khoảng 3,1 ha. Các nghĩa trang hiện hữu được cải tạo, đảm bảo các yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật công trình nghĩa trang QCVN 07-10:2023/BXD. Các khu chôn cất nhỏ lẻ được từng bước quy tập về khu nghĩa trang tập trung đô thị để đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

- Hiện trạng môi trường về điều kiện khí tượng thủy văn, chất lượng nước, không khí, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất tương đối thuận lợi cho việc phát triển các khu vực xây dựng đô thị mới. Đang xuất hiện một số yếu tố gây ảnh hưởng đến môi trường như chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn từ các điểm sản xuất công nghiệp, phương tiện giao thông, khu dân cư và hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Các tác động dự kiến: Quá trình đô thị hóa dẫn đến một số yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường như tăng lượng nước thải, chất thải rắn từ sinh hoạt và sản xuất ra môi trường, ô nhiễm không khí, tiếng ồn gia tăng; đồng thời, có yếu tố tác động tích cực như diện tích đất cây xanh, mặt nước được tăng lên.

- Giải pháp tổng thể: Phân các vùng có yếu tố nguy cơ ảnh hưởng môi trường; Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ; Quản lý chặt chẽ các hoạt động xả thải, tạo tiếng ồn ra môi trường; Ưu tiên đầu tư các khu cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh cách ly theo đúng quy hoạch được duyệt.

7. Dự án ưu tiên đầu tư

- Ưu tiên các dự án xây dựng công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cần thiết theo tiêu chí phân loại đô thị tại các Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đảm bảo thời điểm đạt tiêu chí phân loại đô thị theo phương án quy hoạch hệ thống đô thị của Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; ưu tiên dự án xây dựng công viên, cây xanh phục vụ nhu cầu dân cư trung tâm đô thị.

- Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông đối ngoại của đô thị (ĐT.455 tuyến mới, ĐT.455 tuyến hiện trạng, ĐT.452 hiện trạng, ĐH.74,



ĐH.75, ĐH.76, ĐH.77, ĐH.79) để kết nối đô thị với hệ thống hạ tầng khung đô thị toàn tỉnh. Đầu tư mới tuyến đường trục chính đô thị liên kết trung tâm đô thị với khu vực phát triển phía Đông, tiếp đó ưu tiên các đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường chính khu vực, đường khu vực và đường phân khu vực.

- Thực hiện các dự án phát triển đô thị phục vụ nhu cầu đất ở đô thị, tạo nguồn vốn phát triển; dự án dịch vụ du lịch tại các trục không gian mở rộng đô thị; dự án sản xuất công nghiệp tại cụm công nghiệp.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống công trình dịch vụ công cộng, hạ tầng kỹ thuật cấp vùng huyện, cấp đô thị để khai thác đồng bộ hệ thống hạ tầng, phục vụ nhu cầu của toàn vùng huyện và của dân cư đô thị.

8. Thiết kế đô thị

Các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị Quỳnh Côi mở rộng bao gồm: Khu trung tâm đô thị; Các cửa ngõ đô thị: Khu vực cầu Hiệp đến đường vành đai V thủ đô, khu vực đường tỉnh ĐT.396B tiếp giáp xã Quỳnh Xá, khu vực đường tỉnh ĐT.455 hiện trạng, đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch mới tiếp giáp xã Quỳnh Hội. Các tuyến đường chính cần quan tâm về kiến trúc, cảnh quan gồm đường tỉnh ĐT.396B, đường tỉnh ĐT.455 hiện trạng, đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch mới, đường đối trục chính đô thị, đường Nguyễn Du, đường hai bên kênh Hải Vân Lương.

Tổ chức không gian trong các khu trung tâm, khu vực cửa ngõ đô thị, trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và điểm nhấn trong đô thị theo hướng tận dụng, kết hợp hài hòa, đồng bộ tổng thể với cảnh quan tự nhiên hiện có, kết hợp giữa phương án kiến trúc hiện đại với các yếu tố mang tính địa phương, ưu tiên bố trí cây xanh, mặt nước tại các vị trí có hướng nhìn đối ngoại, tỷ lệ đất trồng cây xanh lớn. Mỗi vùng mang hướng kiến trúc, cảnh quan đặc trưng, phù hợp với chức năng đô thị.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ và đơn vị tư vấn có trách nhiệm: Hoàn chỉnh hồ sơ, bản vẽ theo nội dung phê duyệt đề Sở Xây dựng xác nhận làm căn cứ triển khai thực hiện và lưu trữ hồ sơ; phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong phạm vi quy hoạch tổ chức công bố công khai quy hoạch; tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết thuộc Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt; lập Kế hoạch thực hiện quy hoạch và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành làm cơ sở đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về thông tin và tính chính xác, sự phù hợp với các quy định của pháp luật về các số liệu, tài liệu, nội dung trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt.

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền Thông; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ; các Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn: Quỳnh Côi, Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giao; Thủ trưởng sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTXDGT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH****Nguyễn Khắc Thận**

TH



QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

**THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG THỊ TRẤN QUỲNH CÔI MỞ RỘNG,
HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2035.**

Địa điểm: huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035)

Thái Bình, năm 2024

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH



ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG THỊ TRẤN QUỲNH CÔI MỞ RỘNG, HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2035

Địa điểm: huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết số/QĐ-UBND ngày/...../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035)

- Cơ quan phê duyệt:

Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Cơ quan thẩm định:

Hội Đồng thẩm định.

Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng

- Cơ quan tổ chức trình phê duyệt quy hoạch:

Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:

Ban quản lý dự án lập quy hoạch chung xây dựng

Huyện Quỳnh Phụ

- Đơn vị lập lập quy hoạch:

Viện Quy hoạch xây dựng Thái Bình

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. LỜI MỞ ĐẦU	1
2. MỤC TIÊU	1
3. KẾT CẤU QUY ĐỊNH QUẢN LÝ	2
4. CƠ SỞ PHÁP LÝ	2
PHẦN I: QUY ĐỊNH	3
ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ PHÂN CÔNG QUẢN LÝ	3
1.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng	3
1.2. Phân công quản lý	3
ĐIỀU 2. QUY ĐỊNH VỀ QUY MÔ	3
2.1. Phạm vi, ranh giới và diện tích quy hoạch	3
2.2. Quy mô dân số:	4
2.3. Quy mô đất đai:	4
ĐIỀU 3. QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU VỀ DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ XÂY DỰNG, HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHIỀU CAO TỐI ĐA, TỐI THIỂU CỦA CÔNG TRÌNH TRONG TỪNG KHU CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ	4
3.1. Chỉ tiêu về diện tích	4
3.2. Mật độ xây dựng	4
3.3. Hệ số sử dụng đất:	4
3.4. Chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị:	4
ĐIỀU 4: QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CÁC KHU VỰC TRONG ĐÔ THỊ	5
4.1. Quy định về kiểm soát phát triển không gian	5
4.2. Quy định về kiểm soát mật độ xây dựng	8
4.3. Quy định về kiểm soát hệ số sử dụng đất	8
4.4. Quy định về kiểm soát kiến trúc cảnh quan	9
ĐIỀU 5: CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ CÁC TUYẾN PHỐ CHÍNH, CỐT XÂY DỰNG KHÔNG CHẾ CỦA ĐÔ THỊ	11
5.1. Giao thông đối ngoại	11
5.2. Giao thông nội bộ	11
5.3. Nguyên tắc xác định chỉ giới đường đỏ	11
5.4. Cốt xây dựng không chế của đô thị	12
ĐIỀU 6: VỊ TRÍ, QUY MÔ VÀ PHẠM VI BẢO VỆ, HÀNH LANG AN TOÀN ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH NGẦM; BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	12
6.1. Vị trí, Quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình ngầm	12
6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường	12
ĐIỀU 7: QUY ĐỊNH VỀ KHU VỰC CẤM XÂY DỰNG; PHẠM VI BẢO VỆ, HÀNH LANG AN TOÀN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT; BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG;	13
7.1. Khu vực cấm xây dựng	13
7.2. Hành lang bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật	13
7.3. Hành lang cách ly với hệ thống thông tin liên lạc	13
7.4. Giao thông:	14
7.5. Bảo vệ vệ sinh nguồn nước:	14

7.6. Trạm xử lý nước thải, nghĩa trang, nhà máy xử lý chất thải rắn.....	14
7.7. Hành lang bảo vệ đê và các công trình thủy lợi:.....	14
ĐIỀU 8: QUY ĐỊNH VỀ KHU VỰC BẢO TỒN, TÔN TẠO CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC, DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH, ĐỊA HÌNH CẢNH QUAN TRONG ĐÔ THỊ.	14
8.1. Phạm vi bảo tồn:	14
8.2. Nguyên tắc:	15
PHẦN II: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	16
ĐIỀU 9: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	16
ĐIỀU 10: PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM.....	16
ĐIỀU 11: QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN, LƯU TRỮ HỒ SƠ QUY HOẠCH.....	17
ĐIỀU 12: QUY ĐỊNH VỀ KHEN THƯỞNG, XỬ PHẠT THI HÀNH	17



MỞ ĐẦU

1. Lời mở đầu

Quyết định số 1753/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nội dung phương án quy hoạch hệ thống đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn được ban hành kèm sơ đồ Phương án Quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phụ lục I của quyết định. Trong đó đã xác định quy hoạch thị trấn Quỳnh Côi trở thành đô thị loại IV. Nhằm nâng cao tỷ lệ đô thị hóa là xu hướng tất yếu, phù hợp với chiến lược phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ tiến hành lập hồ sơ quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng đến năm 2035; trình sở Xây dựng tổ chức thẩm định, Hội đồng thẩm định xem xét trình Ủy Ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hồ sơ quy hoạch bao gồm: Bản vẽ, Thuyết minh và Quy định quản lý.

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035 lập theo các quy định của: Luật Quy hoạch đô thị và các quy định pháp luật có liên quan, trên cơ sở nội dung đồ án đã được phê duyệt. Quy định quản lý này cùng với hồ sơ bản vẽ thuyết minh là cơ sở pháp lý để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành; Để các tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ và thực hiện.

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035 theo các quy định của: Luật Quy hoạch đô thị và các quy định pháp luật có liên quan, trên cơ sở nội dung đồ án đã được phê duyệt. Quy định quản lý này cùng với hồ sơ bản vẽ thuyết minh là cơ sở pháp lý để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành; Để các tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ và thực hiện.

2. Mục tiêu

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035 nhằm xác lập cơ sở cho việc:

- Lập và xét duyệt quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng đến năm 2035, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng hệ thống các công trình chuyên ngành, quy hoạch các khu vực phát triển đô thị và triển khai các dự án đầu tư xây dựng, thiết kế công trình trên địa bàn.

- Lập kế hoạch, chương trình đầu tư và xây dựng hàng năm, ngắn hạn và dài hạn của xã cũng như các thôn, các khu đô thị, khu dân cư nông thôn thuộc xã.

- Quản lý kiến trúc, cảnh quan, bảo tồn, tôn tạo, cải tạo, xây dựng mới các công trình trên địa bàn xã phù hợp với các đồ án quy hoạch đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức quản lý triển khai thực hiện quy hoạch đô thị và phát triển kiến trúc trên địa bàn thị trấn Quỳnh Côi mở rộng.

3. Kết cấu Quy định Quản lý

Phần 1 – Quy định: Bao gồm đối tượng, phạm vi áp dụng, các nội dung chủ yếu sau đây: Chỉ tiêu diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị; việc kiểm soát không gian, kiến trúc các khu vực trong đô thị; chỉ giới đường đỏ và các tuyến phố chính, cốt xây dựng không chế của đô thị; vị trí, quy mô, phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình ngầm; khu vực cấm xây dựng, phạm vi bảo vệ, hành lang công trình hạ tầng kỹ thuật, biện pháp bảo vệ môi trường; khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan trong đô thị.

Phần 2 – Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn về tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm, các quy định khác có liên quan.

4. Cơ sở Pháp Lý

- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây Dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về ban hành Quy định phân cấp, phân công Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình;
- Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

PHẦN I: QUY ĐỊNH

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phân công quản lý

1.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1.1.1. Đối tượng

Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn thị trấn Quỳnh Côi mở rộng đảm bảo theo đúng đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Côi mở rộng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2035 đã được phê duyệt.

Quy định này là cơ sở để chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý quy hoạch, kiến trúc, xây dựng của tỉnh Thái Bình xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc và quản lý đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng, cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan trong đô thị và làm căn cứ xác lập nhiệm vụ đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, các quy hoạch chuyên ngành, tất cả các khu vực trong và ngoài đô thị tuân thủ định hướng quy hoạch chung.

Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã đều phải thực hiện theo đúng quy định này.

Ngoài những quy định này, việc quản lý xây dựng tại thị trấn Quỳnh Côi mở rộng còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước có liên quan.

1.1.2. Phạm vi

Toàn bộ diện tích trong địa giới hành chính của thị trấn Quỳnh Côi hiện tại và toàn bộ địa giới hành chính 04 xã: Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giao; tổng diện tích đất tự nhiên 2.476,0 ha.

1.2. Phân công quản lý

- Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình giúp UBND tỉnh Thái Bình, UBND huyện Quỳnh Phụ hướng dẫn việc quản lý đô thị theo đúng quy định tại văn bản này.

- Việc điều chỉnh, bổ xung hoặc thay đổi nội dung trong quy định này phải được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 2. Quy định về quy mô

2.1. Phạm vi, ranh giới và diện tích quy hoạch

2.1.1. Phạm vi lập quy hoạch:

Bao gồm toàn bộ diện tích trong địa giới hành chính của thị trấn Quỳnh Côi hiện tại và toàn bộ địa giới hành chính 04 xã: Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giao; đồng thời nghiên cứu mối liên hệ với vùng phụ cận.

2.1.2. Ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc: Giáp sông Luộc và xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Phía Nam: Giáp xã Quỳnh trang và xã Quỳnh Xá;
- Phía Đông: Giáp xã Quỳnh Hội, Quỳnh Minh, Quỳnh Thọ;
- Phía Tây: Giáp xã Quỳnh Bảo, xã Quỳnh Mỹ, xã Châu Sơn và xã Quỳnh Khê.

2.1.3. Quy mô lập quy hoạch:

Quy mô diện tích: 2.476,0 ha

2.2. Quy mô dân số:

- Dân số đến năm 2035 khoảng 55.631 người.

2.3. Quy mô đất đai:

Đến năm 2035 tổng diện tích xây dựng đô thị là 1.147,82 ha; Chiếm 46,36% toàn đô thị.

Điều 3. Quy định chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị

3.1. Chỉ tiêu về diện tích

Không gian phát triển đô thị bao gồm:

- Khu trung tâm đô thị: Gồm trung tâm huyện, thị trấn hiện hữu và trung tâm mới có diện tích 505,8 ha;

- Khu vực phát triển đô thị phía Đông có diện tích 404,0 ha.

- Khu vực phát triển đô thị phía Nam có diện tích 464,5 ha.

- Khu vực phát triển mới phía Bắc có diện tích 1.104,7 ha.

3.2. Mật độ xây dựng

* Mật độ xây dựng gộp:

- Khu trung tâm đô thị: 40%

- Khu vực phát triển theo trục đường tỉnh ĐT.396B và đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch; ĐT.455 hiện trạng: 40%

- Khu vực phát triển đường huyện ĐH.74; ĐH.75; ĐH.76; ĐH.79: 40%

- Khu vực phát triển theo trục đường trục chính đô thị, liên khu vực, đường chính khu vực: 40%

- Các khu vực không gian đô thị còn lại:

+ Đối với các khu dân cư hiện trạng trong toàn đô thị: 40%

+ Đối với khu vực bãi bồi ven sông Luộc: Mật độ xây dựng tối đa 5%; đồng thời tuân thủ các quy định của luật đê điều và các luật có liên quan.

3.3. Hệ số sử dụng đất:

- Khu trung tâm đô thị: 3,6.

- Khu vực phát triển theo trục đường tỉnh ĐT.396B; ĐT.455: 3,3.

- Khu vực phát triển theo trục đường huyện ĐH.7; ĐH.76; ĐH.77; ĐH.79: 3,0.

- Các khu vực không gian đô thị còn lại: 2,5.

3.4. Chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị:

- Khu trung tâm đô thị: Chiều cao tối thiểu 3,6m; Chiều cao tối đa 30,0m;

- Khu vực phát triển theo trục đường tỉnh ĐT.396B; ĐT.455 hiện trạng; ĐT.455 quy hoạch; ĐT.452: Chiều cao tối thiểu 3,6m; Chiều cao tối đa 25,0m;

- Khu vực phát triển theo trục đường ĐH.74; ĐH.75; ĐH.76: Chiều cao tối thiểu 3,6m; Chiều cao tối đa 22,0m;

- Khu vực phát triển theo trục đường trục chính đô thị, liên khu vực, đường chính khu vực: Chiều cao tối thiểu 3,6m; chiều cao tối đa 25,0m;

- Các khu vực không gian đô thị còn lại: Chiều cao tối thiểu 3,0m; chiều cao tối đa 19,0m.

Điều 4: Quy định về kiểm soát không gian, kiến trúc các khu vực trong đô thị.

4.1. Quy định về kiểm soát phát triển không gian

4.1.1. Định hướng phát triển không gian đô thị tổng thể:

a. Cơ sở hình thành phát triển của đô thị

Nằm trong hành lang kinh tế phía Bắc theo Quy hoạch tỉnh, cửa ngõ của tỉnh kết nối với tỉnh Hải Dương, có cơ hội đón làn sóng đầu tư từ nhà đầu tư khu vực Hải Dương và lân cận. Hệ thống giao thông đối ngoại kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế của vùng, của tỉnh: Đường tỉnh ĐT.396B chạy dọc theo trục Bắc – Nam của đô thị, qua trung tâm đô thị, kết nối lên phía Bắc qua cầu Hiệp với tỉnh Hải Dương, đường trục Bắc Nam, ra cao tốc 5B Hà Nội – Hải Phòng; kết nối xuống phía Nam ra đường Thái Hà, các tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, đường QL.10, thành phố Hải Phòng, thành phố Thái Bình; đường tỉnh ĐT.455 chạy theo trục Đông – Tây của đô thị, qua trung tâm đô thị, kết nối chính với đô thị An Bài; đường tỉnh ĐT.452 kết nối với trung tâm đô thị vùng huyện Hưng Hà; đường vành đai 5 thủ đô chạy qua đô thị biến đô thị Quỳnh Côi thành đô thị vệ tinh trực tiếp của vùng thủ đô Hà Nội.

b. Mô hình phát triển đô thị:

* Định hướng mô hình phát triển là đô thị đơn tâm và 03 cực chủ đạo Bắc – Nam – Đông phát triển theo hệ thống giao thông; bao gồm:

- Trung tâm đô thị: Khu vực thị trấn Quỳnh Côi hiện hữu và trung tâm mới tại khu vực giao giữa đường tỉnh ĐT.396B với đường đôi trục chính đô thị.

- Cực phát triển đô thị phía Bắc: Khu vực xã Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng với đường tỉnh ĐT.396B và yếu tố tạo thị từ trung tâm sản xuất công nghiệp Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng là chủ đạo.

- Cực phát triển đô thị phía Nam: Khu vực Nam xã Quỳnh Hưng với đường tỉnh ĐT.396B và yếu tố tạo thị từ phục vụ nhu cầu ở, thương mại dịch vụ của dân cư hiện có, của trung tâm sản xuất Khu công nghiệp Dược – Sinh học là chủ đạo.

- Cực phát triển đô thị phía Đông: Khu vực phía Đông xã Quỳnh Hải với đường tỉnh ĐT.455 và hệ thống các đường đô thị quy hoạch mới, lấy định hướng kết nối với đô thị An Bài là chủ đạo.

* Trên cơ sở mô hình phát triển từ trung tâm ra các khu vực khác thông qua việc hình thành phát triển cấu trúc giao thông dựa trên các yếu tố sau:

- Trung tâm đô thị bao gồm: Trung tâm thị trấn, trung tâm huyện hiện hữu

và trung tâm mới tại khu vực đường Tỉnh ĐT.396B với đường đôi trục chính đô thị (hướng Đông Tây).

+ Lấy điểm trung tâm đô thị hiện hữu làm cơ sở lõi, mở rộng đô thị theo hướng Đông làm chủ đạo.

+ Hình thành trung tâm mới sẽ là trung tâm đô thị tại khu vực nút giao giữa đường tỉnh ĐT.396B với đường trục chính đô thị - trục Đông Tây.

+ Từ lõi trung tâm mới phát triển mở rộng khu vực đô thị theo những đường tròn đồng tâm.

- 07 hướng phát triển theo hệ thống giao thông như sau:

+ Hướng 01: Trục Bắc - Nam với tuyến chính là đường tỉnh ĐT.396B từ khu vực xã Quỳnh Hưng lên xã Quỳnh Giao và các khu vực lân cận; đồng thời phát triển thêm 2 tuyến phụ mới có tính chất tăng cường kết nối Bắc Nam chạy dọc theo tuyến ĐT.396B.

- Hướng 02 - Trục Đông Tây hiện trạng: Là tuyến đường ĐT.455 hiện trạng từ khu vực xã Quỳnh Mỹ qua Cầu Mỹ Hà sang xã Quỳnh Hải đến xã Quỳnh Hội đi thẳng đến thị trấn An Bài.

- Hướng 03 - Trục Đông Tây mới: Là hành lang kinh tế thương mại, dịch vụ với tuyến đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch đi từ khu vực Xã Quỳnh Bảo qua khu vực xã Quỳnh Hưng sang tới xã Quỳnh Hội. Tuyến này kết nối thẳng tới đường Tỉnh ĐT.455 hiện trạng đi thị trấn An Bài và các khu vực lân cận.

- Hướng 04 - Trục liên kết vùng với tuyến đường cao tốc CT.39: Là đường vành đai V thủ Đô đi từ huyện Hưng Hà đi qua xã Quỳnh Giao, xã Quỳnh Hồng qua Sông Luộc đi cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Hướng 05 - Trục chính đô thị với tuyến đường Đào Đình Luyện hiện tại phát triển kéo dài theo trục Tây Nam - Đông Bắc kết nối đến đường huyện ĐH.75 hiện có và đường bao vùng - đường chính đô thị.

- Hướng 06 - Trục đô thị Quỳnh Côi - An Bài (trục chính liên kết đô thị) thông qua tuyến đường đôi trục chính đô thị theo hướng Đông Tây phát triển từ đường tỉnh ĐT.455 hiện trạng qua Cầu Mỹ Hà kéo dài qua xã Quỳnh Hải đi thị trấn An Bài.

- Hướng 07 - Đường tỉnh ĐT.452 (đường Nguyễn Du hiện trạng qua nội thị) sẽ là tuyến đường chính, đường liên khu vực chạy dọc kênh Yên Lộng đi từ xã Quỳnh Hưng qua xã Quỳnh Hồng kết nối tới đường huyện ĐH.77 xã Quỳnh Giao.

- Ngoài ra, định hướng 02 tuyến phát triển ở các giai đoạn dài hạn, khi các tuyến giao thông chính đã hình thành xong, tiếp tục cho việc phát triển các tuyến mới này:

+ Trục hỗ trợ (trục phụ liên kết đô thị) thông qua tuyến đường chính khu vực, liên khu vực theo hướng Đông Tây điểm đầu giao với đường Nguyễn Du đi qua Bệnh viện đa khoa Huyện, sân vận Động huyện và các ô đất quy hoạch mới sang xã Quỳnh Hải kết nối đến thị trấn An Bài.

+ Trục phụ liên kết đô thị với điểm bắt đầu phát triển từ đường chính - đường bao vùng 02 phát triển kết nối đi thị trấn An Bài.

c. Định hướng tổ chức không gian đô thị và phân khu chức năng

Định hướng tổ chức không gian và phân khu chức năng thành 04 vùng không gian đô thị; cụ thể:

* Không gian phát triển đô thị:

- Vùng 01 (V.01): Trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ gắn liền hệ thống nhóm nhà ở phát triển mới và các chức năng dịch vụ - công cộng cấp vùng, cấp đô thị.

- Vùng 02 (V.02): Khu vực phát triển đô thị phía Đông định hướng chủ đạo của không gian phía Đông đô thị là phát triển các nhóm nhà ở và dịch vụ, hình thành không gian có vai trò kết nối trung tâm đô thị Quỳnh Côi với không gian các xã lân cận Quỳnh Hội, An Ấp, An Quý và đô thị An Bài mở rộng; phát triển không gian mới gắn liền với định hướng chỉnh trang khu dân cư hiện hữu lân cận theo tiêu chí kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Vùng 03 (V.03): Khu vực phát triển đô thị phía Nam định hướng chủ đạo của khu vực phía Nam là phát triển thương mại dịch vụ phục vụ nhu cầu dân cư hiện hữu; chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; bổ sung hệ thống công trình dịch vụ - công cộng còn thiếu.

- Vùng 04 (V.04): Khu vực phát triển đô thị phía Bắc định hướng chủ đạo của khu vực phía Bắc là phát triển sản xuất công nghiệp gắn liền thương mại dịch vụ; phát triển một số nhóm nhà ở kết hợp với chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; bổ sung hệ thống công trình dịch vụ - công cộng còn thiếu.

* Các khu vực không gian còn lại của đô thị ưu tiên cho duy trì sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; dự kiến phát triển công nghiệp, phát triển dịch vụ du lịch, chỉnh trang dân cư, từng bước hiện đại hóa các điểm dân cư nông thôn.

4.1.2. Quy định về kiểm soát tăng cao công trình

Kiểm soát chặt chẽ tăng cao công trình phù hợp với đặc điểm địa hình, cảnh quan thiên nhiên và khả năng đáp ứng hạ tầng của từng khu vực.

4.1.3. Các khu vực phát triển cao tầng

Được cho phép trong phát triển ở khu vực trung tâm của đô thị, nơi có các không gian mở của đô thị.

Dọc 2 bên tuyến đường tỉnh ĐT.396B và đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch tại các nút giao thông chính, cửa ngõ giao thông đối ngoại.

Các khu vực cửa ngõ nằm dọc 2 bên tuyến đường trục chính đô thị và các nút giao thông đô thị chính.

4.1.4. Các khu vực phát triển tầm trung.

Tập trung chủ yếu dọc 2 bên tuyến đường huyện ĐL.75, ĐL.76; ĐL.79; ĐL.77.

Dọc các tuyến đường chính khu vực



4.1.5. Các khu vực phát triển thấp tầng

- Các công trình nhà ở riêng lẻ hạn chế chiều cao 20m.
- Để phát triển các điểm nhấn kiến trúc mang tính biểu tượng của đô thị mới, mỗi khu vực chức năng lựa chọn một số công trình kiến trúc cao tầng (Điểm) hoặc cụm tuyến công trình kiến trúc đặc trưng, độc đáo làm điểm nhấn, định hướng không gian và nhận biết cho từng khu vực đô thị, hệ số sử dụng đất không vượt quá 13 lần.

4.1.6. Các khu vực cần kiểm soát chiều cao

- Khu vực an ninh quốc phòng: Kiểm soát tầng cao công trình để đảm bảo các quy định về an ninh quốc phòng và khu vực phòng thủ.
- Hành lang ven sông Luộc: Tuân thủ Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình. Giải pháp quy hoạch tại bãi bồi này cần đảm bảo tại Điều 25, Điều 26 Luật Đê điều và Quyết định số 257/QĐ-TTg nêu trên.
- Kiểm soát đặc biệt đối với các công trình kiến trúc ≥ 25 tầng.

4.2. Quy định về kiểm soát mật độ xây dựng

- Mật độ xây dựng các công trình chức năng đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn chung hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế và tạo hình thái chung về mật độ xây dựng theo từng phân khu chức năng.
- Mật độ nén tập trung cao tại các trung tâm đô thị của từng phân khu chức năng và mật độ thấp đối với các khu vực không gian cây xanh mặt nước.
- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh thống nhất cho từng ô đất để tạo nên mạng lưới cây xanh cảnh quan cho từng khu vực chức năng.
- Khuyến khích phát triển các tổ hợp công trình, gắn kết không gian khối đế và không gian ngầm để cung cấp các dịch vụ công cộng, bãi đỗ xe ngầm và các tiện ích trong đô thị.
- Các khu vực điểm nút giao thông, có nhu cầu hoạt động thương mại cao, khuyến khích hợp khối, liên kết xây dựng mật độ cao để tăng khả năng cung cấp dịch vụ công cộng, tạo thuận lợi cho người dân và du khách.

4.3. Quy định về kiểm soát hệ số sử dụng đất

4.3.1. Các khu vực hệ số sử dụng đất cao:

- Cho phép hệ số sử dụng đất cao tại các khu vực điểm nhấn, có cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu chất tải, xây dựng mới. Việc chấp thuận dự án với hệ số sử dụng đất cao cần phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và tác động tới hạ tầng khu vực.
- Nâng cao hệ số sử dụng đất tại trung tâm đô thị có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xây mới, đáp ứng được hạ tầng kỹ thuật.

- Dọc các tuyến đường chính như đường tỉnh ĐT.396; ĐT.455 quy hoạch; ĐT.455 hiện trạng và các tuyến đường huyện ĐH.75, ĐH.76.

4.3.2. Các khu vực hệ số sử dụng đất trung bình:

- Đối với khu vực trung tâm lõi xanh và các khu vực bố trí các cơ sở giáo dục.
- Đối với khu vực dự trữ phát triển các công trình công cộng.

4.3.3. Các khu vực hệ số sử dụng đất thấp:

- Đối với khu vực ngoại ô, xa trung tâm đô thị;
- Đối với khu vực hành lang bảo vệ các di tích, danh thắng;
- Đối với khu vực phát triển ven Sông Luộc.

4.4. Quy định về kiểm soát kiến trúc cảnh quan

4.4.1. Quy định về phân vùng kiến trúc cảnh quan

Quy định phân vùng kiến trúc cảnh quan

Vùng kiến trúc cảnh quan trong đô thị; bao gồm: Khu vực nội thị hiện hữu; khu vực dự kiến phát triển mới; khu vực cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo; khu vực bảo tồn và khu vực đặc thù.

- Khu nội thị hiện hữu: Được xác định là khu trung tâm huyện, trung tâm thị trấn hiện hữu.

- Các khu vực phát triển mới:

Khu vực phát triển đô thị mới: Được xác định là các khu vực có quỹ đất thuận lợi cho việc phát triển đô thị;

- Các khu vực cảnh quan thiên nhiên: Giữ gìn và bảo vệ khung thiên nhiên hiện có. Bảo vệ hành lang kênh đồng thời phát triển các không gian xanh tự nhiên làm tiền đề để phát triển không gian cho đô thị.

- Các khu vực cảnh quan nhân tạo: Khu vực còn lại

- Các khu bảo tồn và khu vực đặc thù: Khu bảo tồn được xác định là các công trình tôn giáo, tín ngưỡng.

- Các khu vực cấm xây dựng: Được xác định là các khu vực Quân sự, hành lang bảo vệ, vệ sinh.

4.4.2. Quy định về không gian các trục, tuyến

a. Trục giao thông liên kết khu vực

- Trục Bắc Nam: Thông qua hành lang 2 bên đường ĐT.396B, tuyến đường trục chính cấp đô thị và đường tỉnh 452 hiện trạng có chức năng giao thông đối ngoại liên kết đô thị với các đô thị thành phố Thái Bình và huyện Quỳnh Phụ.

- Trục Đông Tây: Thông qua hành lang 2 bên tuyến đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch và ĐT.455 hiện trạng và tuyến đường đôi trục chính đô thị đây là trục kinh tế - kỹ thuật đô thị - cảnh quan chính của đô thị có chức năng liên kết về giao thông và không gian với các đô thị của huyện Quỳnh Phụ.

b. Các trục đô thị:

- Trục Đông - Tây với tuyến Đường tỉnh ĐT.455 hiện trạng từ khu vực xã Quỳnh Mỹ qua Cầu Mỹ Hà sang xã Quỳnh Hải đến xã Quỳnh Hội và kết nối với Đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch đi thị trấn An Bài. Đây sẽ là tuyến chính đô thị (đường đôi, trục cảnh quan đô thị) kết nối thị trấn Quỳnh Côi mở rộng và thị trấn An Bài mở rộng có hướng tuyến chạy song song với đường tỉnh ĐT.455 hiện trạng. Định hướng tuyến này là trục đô thị Quỳnh Côi - An Bài

- Đường tỉnh ĐT.452 hiện trạng, đường huyện ĐH.77.

- Đường huyện ĐH.75; đường huyện ĐH.76; đường liên khu vực, đường chính khu vực.

c. Các trục cảnh quan:

* Trục cảnh quan xanh:

- Trục Đông Tây với tuyến đường trục chính cấp đô thị từ cầu Mỹ Hà phát triển qua xã Quỳnh Hải kết nối tới đường tỉnh ĐT.455 quy hoạch đi thị trấn An Bài, điểm nhấn quan trọng của vùng lõi đô thị.

- Trục Đông Bắc – Tây Nam với tuyến đường Đào Đình Luyện kéo dài, kênh Hải Vân Lương và đường quy hoạch ven kênh.

* Trục môi trường tự nhiên:

- Trục ven kênh Yên Lộng: Đây là khu phát triển mới tận dụng các yếu tố lợi thế của tự nhiên, mặt nước.

- Trục ven kênh Hải Vân Lương: Đây là khu phát triển mới tạo dựng các yếu tố lợi thế của tự nhiên, mặt nước.

d. Hành lang xanh:

- Những hành lang xanh với quy mô nhỏ hơn kết nối các trục cảnh quan, các không gian mở và các trục đường đô thị.

- Vành đai xanh tạo từ đất nông nghiệp, nông thôn và kênh lạch.

4.4.3. Quy định về tổ chức công trình điểm nhấn, kiến trúc cảnh, không gian mở

- Các công trình xây dựng hiện đại, cao tầng hợp khối, có hình thức kiến trúc độc đáo tạo ra đặc trưng mang tính biểu tượng.

- Hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc phù hợp với không gian chung và tính chất sử dụng của công trình.

- Tạo không gian quảng trường và khoảng lùi lớn trước các tòa nhà.

- Gắn kết hợp lý giữa giao thông công cộng với các hoạt động thương mại.

- Các không gian mở: Tạo lập các không gian xanh, công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước, quảng trường, đường dạo, dải cây xanh cảnh quan dọc các tuyến sông, kênh, mương...

- Khai thác cảnh quan tự nhiên, giữ lại các mặt nước hiện có, bổ sung các mặt nước nhân tạo, các hồ điều hòa tạo thành các dòng chảy liên hoàn.

- Tổ chức hệ thống vườn hoa, cây xanh cảnh quan, đường dạo, tiểu cảnh, chòi nghỉ, sân thể thao... Tổ chức hệ thống chiếu sáng phong phú sinh động.

- Nghiêm cấm xây dựng các công trình quy mô lớn, mật độ cao.

4.4.4. Quy định về không gian quảng trường

- Quảng trường đô thị được bố trí kết hợp với công viên cây xanh trung tâm có quy mô diện tích lớn đảm bảo là nơi tập trung chủ yếu hoạt động sinh hoạt về chính trị, văn hóa và xã hội của đô thị, nơi tổ chức các hoạt động mang tính lễ nghi, lễ hội như mít tinh, diễu binh, diễu hành Của các tầng lớp nhân dân.

Nghiên cứu không gian kiến trúc xung quanh quảng trường.

- Thiết kế cách tiếp cận đến quảng trường công viên trung tâm dễ dàng, quảng trường gắn với khu trung tâm đặc biệt là gần với khu hành chính, chính trị mới của đô thị.

- Kết nối các không gian mở thành hệ thống gồm các khu chức năng dịch vụ công cộng liên hoàn như khu dịch vụ, khu trung tâm thương mại và quảng trường công viên.

- Dùng các yếu tố cây xanh cảnh quan để cải thiện vi khí hậu và tạo sự thân thiện, dễ tiếp cận với con người.

· **Điều 5: Chỉ giới đường đỏ các tuyến phố chính, cốt xây dựng khống chế của đô thị**

5.1. Giao thông đối ngoại

- Đường vành đai V thủ đô (cao tốc CT.39), lộ giới 90,0 m.

- Đường tỉnh ĐT.396B, lộ giới 42,0 m.

- Đường tỉnh ĐT.455 tuyến mới, lộ giới 42,0 m.

- Đường tỉnh ĐT.455 tuyến hiện trạng: Đoạn ngoài khu dân cư tập trung, lộ giới 42,0 m; đoạn qua khu dân cư tập trung, lộ giới 19,0 m.

- Đường tỉnh ĐT.452 hiện trạng, lộ giới 26,0 m.

- Đường huyện ĐH.74, ĐH.76: Lộ giới 29,0 m.

- Đường huyện ĐH.75: Đoạn qua khu dân cư tập trung phía trung tâm đô thị, lộ giới 19,0 m. Đoạn còn lại, lộ giới 29,0 m.

- Đường huyện ĐH.75A, lộ giới 19,0 m.

- Đường huyện ĐH.77, lộ giới 26,0 m.

- Đường huyện ĐH.79, lộ giới 26,0 m.

5.2. Giao thông nội bộ

- Đường quy hoạch (mặt cắt 1-1), lộ giới 45,0 m.

- Đường quy hoạch (mặt cắt 2-2), lộ giới 32,0 m.

- Đường quy hoạch (mặt cắt 3-3), lộ giới 52,8 m.

- Đường quy hoạch (mặt cắt 4-4), lộ giới 27,0 m.

- Đường quy hoạch (mặt cắt 5-5), lộ giới 24,0 m.

- Đường quy hoạch (mặt cắt 6-6), lộ giới 20,5 m.

- Đường quy hoạch (mặt cắt 7-7), lộ giới 16,0 m.

- Đường quy hoạch (mặt cắt 8-8), lộ giới 26,0 m.

5.3. Nguyên tắc xác định chỉ giới đường đỏ

- Định vị mạng lưới đường từ đường trục chính đến đường khu vực, từ đường lớn đến đường nhỏ.

- Đảm bảo khớp nối các chỉ giới đường đỏ đã xác định trong các hồ sơ khác.

Tim các tuyến đường được định vị bằng toạ độ kết hợp với các thông số kỹ thuật được ghi trên bản vẽ.

- Chỉ giới đường đỏ được xác định trên cơ sở các tim đường, kết hợp các mặt cắt ngang đường áp dụng cho từng tuyến đường.

5.4. Cốt xây dựng không chế của đô thị

Cao độ nền không chế của đô thị Quỳnh Côi như sau:

- Khu vực thị trấn Quỳnh Côi hiện trạng và xã Quỳnh Hải: Cao độ nền không chế Hxd $\geq +2,10$ m.

- Khu vực xã Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hưng: Cao độ nền không chế Hxd $\geq +2,00$ m.

Đối với các khu vực đã xây dựng tùy từng điều kiện cụ thể, có thể điều chỉnh cục bộ cốt không chế nhưng phải đảm bảo các yêu cầu thoát nước của khu vực.

Điều 6: Vị trí, Quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình ngầm; biện pháp bảo vệ môi trường

6.1. Vị trí, Quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình ngầm

Hệ thống các công trình ngầm trong đồ án bao gồm: Các công trình đầu mối kỹ thuật ngầm; phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất, công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hệ thống hào kỹ thuật.

Vị trí, quy mô công trình ngầm được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

Hào kỹ thuật là công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

- Khoảng cách từ đỉnh nắp hào tới mặt của hè phố không nhỏ hơn 0,3 m, tới mặt đường của xe chạy không nhỏ hơn 0,7 m. Mép hào cách tường nhà không nhỏ hơn 1,0 m.

- Tại vị trí giao nhau, chuyển hướng và trên đường thẳng phải có một hố ga kỹ thuật với khoảng cách tối đa 100 m.

Khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị không nằm trong tuy nèn hoặc hào kỹ thuật được xác định theo các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành được lựa chọn áp dụng. Các trường hợp khác áp dụng quy định trong Bảng 2.30, QCVN 01:2021/BXD.

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

6.2.1. Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường:

Sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại các cụm công nghiệp và các khu vực khác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

6.2.2. Các giải pháp chủ yếu đối với từng khu vực:

- Khu vực dân cư hiện hữu: Cải tạo hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn kết nối hạ tầng đồng bộ với các khu vực đô thị mới.

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa.

- Khu vực nông thôn: Đầu tư hệ thống thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu nông nghiệp áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

- Khu vực kênh, mương: Giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng nước.

6.2.3. Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu

Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt; xây dựng đồng bộ và kiên cố hóa đường ven đê, ven kênh.

Điều 7: Quy định về Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường;

7.1. Khu vực cấm xây dựng

Các khu vực đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo tồn di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái, hành lang bảo vệ các tuyến, công trình hạ tầng,.... Thực hiện cấm xây dựng theo các quy định pháp luật có liên quan.

Quy hoạch phân khu xác định cụ thể ranh giới, quy mô các khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng làm cơ sở cụ thể cho công tác quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn.

7.2. Hành lang bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật

Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện, trạm điện và các yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và tuân thủ quy định tại quy phạm trang bị điện, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện do Bộ Công Thương ban hành.

7.3. Hành lang cách ly với hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống cáp chính của đô thị phải được ngầm hóa đặt trong các tuynen hoặc hào kỹ thuật.

- Cáp thông tin chôn ngầm hoặc treo phải đảm bảo khoảng cách (chống nhiễu) với các hệ thống khác (đặc biệt là cáp điện lực) tuân thủ theo quy phạm trang bị điện của Bộ Công Thương ban hành.

- Việc xây dựng phải đảm bảo các yếu tố kỹ thuật như: Chống sét, nổi đất,